

# **PHÁT HUY VAI TRÒ TRÁCH NHIỆM CỦA NGÀNH TƯ PHÁP TỈNH ĐIỆN BIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

**Phạm Đình Quế**  
**Giám đốc Sở Tư pháp Điện Biên**

Cùng với sự lớn mạnh, trưởng thành của Ngành Tư pháp Việt Nam, 34 năm qua kể từ ngày thành lập (25/5/1983-25/8/2017), được sự quan tâm chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp, sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp giúp đỡ của cấp ủy, tổ chức đảng, UBND các huyện, thị, thành phố, các ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh, Ngành Tư pháp tỉnh Điện Biên đã có nhiều cố gắng, nỗ lực, vượt qua khó khăn, thách thức, từng bước trưởng thành, xác lập và khẳng định vị trí, vai trò trong đời sống chính trị, kinh tế - văn hóa, xã hội của tỉnh và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần cùng Đảng bộ, các cấp, các ngành, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an ninh trật tự, chủ quyền biên giới, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị.

Về chức năng, nhiệm vụ Sở Tư pháp ngày càng khẳng định được vị trí vai trò của mình là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực quan trọng, bên cạnh những chức năng, nhiệm vụ được giao từ trước, từ năm 2011 đến nay được giao thêm nhiều nhiệm vụ mới, quan trọng: Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra

xử lý văn bản quy phạm pháp luật; cập nhật văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; phổ biến giáo dục pháp luật; hoà giải cơ sở; hộ tịch; quốc tịch; chứng thực; nuôi con nuôi; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; luật sư; tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; bán đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật. Về tổ chức, bộ máy: Sở Tư pháp có 8 phòng chuyên môn, 03 đơn vị sự nghiệp, năm 2017 được giao 33 biên chế công chức hành chính và 36 biên chế viên chức sự nghiệp.

Mặc dù còn một số khó khăn, song trong 9 tháng năm 2017, tập thể lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động của Sở Tư pháp Điện Biên đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu làm tốt chức năng tham mưu, giúp cấp ủy Đảng, chính quyền kịp thời thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng trong các văn bản quy phạm pháp luật để hiện thực hóa Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, bảo đảm để các chủ trương, chính sách được tổ chức thực hiện trên thực tế, được bảo đảm bằng quyền lực nhà nước, góp

phần củng cố, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với hệ thống chính trị và các lĩnh vực của đời sống xã hội ở địa phương; góp phần hỗ trợ, giúp các cấp ủy Đảng, chính quyền làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành đất nước, quản lý xã hội bằng pháp luật. Thể hiện trên các lĩnh vực sau:

- Về việc hoàn thiện thể chế: Sở Tư pháp đã tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành các văn bản: Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND về kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh; Quy chế kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quy chế tổ chức, quản lý Công tác viên kiểm tra, rà soát bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quy chế xây dựng và ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh; Quy định mức hỗ trợ cho người được phân công giúp đỡ người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định của UBND tỉnh về cơ cấu tổ chức bộ máy và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên; Quy định tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó, phòng các phòng, đơn vị thuộc Sở Tư pháp; trưởng, phó các phòng Tư pháp cấp huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh; Quy định mức trần thù lao công chứng, chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai việc xây dựng cơ sở dữ

liệu công chứng, chứng thực và ban hành quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng của tỉnh, cùng nhiều kế hoạch của UBND tỉnh để triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tư pháp trên các lĩnh vực. Sở Tư pháp đã ban hành: Quy chế làm việc của Sở; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của Văn phòng, các phòng chuyên môn nghiệp vụ và đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp; các quy định của Sở về nội quy cơ quan, Quy chế văn hoá công sở, nội quy tiếp công dân, Quy chế dân chủ, Quy chế quản lý tài sản, Quy chế chấm điểm thi đua các phòng Tư pháp các huyện, thị, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Đã tham mưu làm tốt công tác xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật, thẩm định, góp ý văn bản QPPL; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản; trong 9 tháng đầu năm, toàn tỉnh đã ban hành 162 văn bản QPPL, trong đó 109 Nghị quyết (cấp tỉnh: 8, cấp huyện: 7, cấp xã 94); 53 Quyết định (cấp tỉnh : 20, cấp huyện 16, cấp xã 17). Sở Tư pháp đã tham gia góp ý 108 dự thảo văn; thẩm định 34 dự thảo VBQPPL; tự kiểm tra 14 văn bản; kiểm tra theo thẩm quyền 18 văn bản.

- Tham mưu làm tốt công tác kiểm soát thủ tục hành chính: Công bố 45 quyết định với tổng 706 TTHC, trong đó công bố mới 460 TTHC, sửa đổi, bổ sung 165 TTHC, bãi bỏ 81 TTHC; tham mưu ban hành kế hoạch và tham gia kiểm tra công tác Cải cách hành chính tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2017; đề nghị Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính

phủ công khai 625 TTHC, không công khai 4783 TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

- Công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật: Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 về Chương trình trọng tâm công tác phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước năm 2017; tham mưu Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1102/KH-HĐPH ngày 24/4/2017 ban hành Kế hoạch hoạt động của Hội đồng năm 2017; Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật của tỉnh Điện Biên giai đoạn 2017-2021.

- Đã tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: Thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở; thực hiện quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; về xây dựng và thực hiện quy ước của thôn, bản, đội, tổ dân phố; về công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường nhà nước; công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật; về bổ trợ tư pháp. Nhất là công tác trợ giúp pháp lý, đã tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào

dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật năm 2017 trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Tiếp tục chỉ đạo triển khai, thực hiện theo hướng nâng cao năng lực hoạt động, chất lượng vụ việc; tăng cường tư vấn tại trụ sở, TGPL lưu động, cử Trợ giúp viên và cộng tác viên là luật sư tham gia tố tụng, hòa giải đáp ứng có hiệu quả nhu cầu TTPL của các đối tượng TGPL. Hoạt động TGPL tăng dần về số lượng, chất lượng; các lĩnh vực pháp luật và hình thức TGPL được triển khai đồng bộ. Công tác trợ giúp pháp lý ngày càng khẳng định vị trí, vai trò trong đời sống xã hội, kịp thời bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho các đối tượng được trợ giúp; trong 9 tháng năm 2017, Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh và các Chi nhánh đã thực hiện trợ giúp pháp lý được 504 vụ việc cho 555 người có đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý. Đã tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý lưu động 05 đợt tại 39 điểm bản thuộc 10 xã thuộc 02 huyện Mường Nhé và huyện Tủa Chùa. Tại các buổi trợ giúp pháp lý lưu động đã thu hút được 1.453 người tham dự; góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân, giải quyết vụ việc nổi cộm ngay tại cơ sở, giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

- Về công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ: Sở đã tích cực, chủ động phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể trong đề xuất, tham mưu, giúp

HĐND, UBND các cấp làm tốt công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương, bảo đảm thể chế hóa ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân thành pháp luật, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản do các cơ quan cấp trên ban hành và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật chính quyền địa phương, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, toàn diện, khả thi của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; củng cố, tăng cường pháp chế XHCN, góp phần thực thi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt được mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, tiến tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đã phát huy vai trò nòng cốt trong tham mưu, hướng dẫn các cấp, các ngành đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến, đưa chủ trương, chính sách, pháp luật vào cuộc sống, đến với các tổ chức, doanh nghiệp, người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào, để mọi người đều nắm vững các chủ trương, chính sách, nâng cao hiểu biết pháp luật, hình thành ý thức tuân thủ và chấp hành pháp luật, nâng cao dân trí, biết vận dụng pháp luật để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, không vi phạm pháp luật, tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan công quyền theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, qua đó, góp phần ổn định lòng dân, an dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa

phương phát triển, bảo đảm quốc phòng an ninh, duy trì trật tự xã hội, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

Từ công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật, Sở Tư pháp đã từng bước phát huy vai trò là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với người dân, doanh nghiệp, kịp thời phản ánh tâm tư, tình cảm, nguyện vọng chính đáng của người dân, doanh nghiệp với Đảng và Nhà nước, với cấp ủy Đảng, chính quyền; góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền, đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp; tạo môi trường pháp lý, làm lành mạnh hóa các quan hệ thị trường, giúp phòng ngừa rủi ro, góp phần củng cố khối đại đoàn kết giữa Dân với Đảng và Nhà nước; giúp cấp ủy Đảng, chính quyền, ban ngành kịp thời phát hiện vướng mắc, bất cập từ chủ trương, chính sách, pháp luật để kịp thời điều chỉnh hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn từng địa phương cũng như trong toàn tỉnh.

Trong thời gian tới, để đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng của đất nước, của tỉnh, cấp ủy, chính quyền các cấp nói chung, Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên quyết tâm thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau:

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, truyền thông, phổ biến, quán triệt sâu rộng tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về vị trí, vai trò của công tác Tư pháp và yêu cầu đặt ra

đổi với người cán bộ làm công tác tư pháp trong tình hình mới; tăng cường quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; sự tham gia, hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể, gắn thực hiện nhiệm vụ công tác tư pháp với thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, duy trì trật tự xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền, tránh những biểu hiện pháp lý thuần túy hoặc buông lỏng, xem nhẹ đối với Ngành; không khoán trắng công việc tư pháp cho riêng Ngành Tư pháp. Từ nhận thức đúng đắn, mỗi cơ quan, cán bộ, công chức của Ngành cần phải chuyển hóa thành hành động cụ thể, vận dụng sáng tạo, linh hoạt trong thực thi nhiệm vụ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, hạn chế đến mức thấp nhất các sai sót, hướng đến bảo vệ tốt nhất các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

- Kịp thời tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, văn bản luật, Nghị định của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Tư pháp có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Ngành tư pháp thông qua việc ban hành các kế hoạch, chương trình hành động để tổ chức thực hiện; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả; kịp thời sơ kết, tổng kết để phát hiện tồn tại, hạn chế, từ đó điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

- Các lĩnh vực hoạt động của Ngành Tư pháp tỉnh phải góp phần phức đáp yêu cầu quản lý xã hội bằng pháp luật, đề

cao vai trò và xác định rõ phạm vi điều chỉnh của pháp luật, sự can thiệp của quyền lực nhà nước; gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; hướng về cơ sở, gắn bó mật thiết với nhân dân, tạo thuận lợi cho dân, gần dân, sát dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng và phục vụ lợi ích chính đáng của người dân, doanh nghiệp; từ đó xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật cũng như củng cố, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo đối với các lĩnh vực hoạt động của công tác tư pháp theo hướng xác định rõ định hướng, chủ trương lớn cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành chủ trương, chính sách, sự gương mẫu của các công chức, viên chức, người lao động. Tích cực tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo kiện toàn cán bộ Pháp chế các sở, ban ngành, đoàn thể; Phòng Tư pháp cấp huyện và đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã, bảo đảm tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, từng bước chuyên môn hóa; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị; phân định rõ thẩm quyền của từng cấp, ngành, thiết lập cơ chế phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau trong thực thi công vụ; đổi mới tác phong, lề lối làm việc, tạo môi trường thân thiện, cạnh tranh lành mạnh, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, phát huy dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu trong thực thi công vụ.

UBND tỉnh Điện Biên:

## Ban hành Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017–2021

*Thực hiện Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017–2021, ngày 24/8/2017, UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định số 741/QĐ-UBND ban hành Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017-2021 trên địa bàn tỉnh.*

Mục tiêu cụ thể của Chương trình là: Đảm bảo 100% Sở, Ban ngành, đoàn thể, địa phương đều tổ chức phổ biến, thông tin rộng rãi các văn bản quy phạm pháp luật trước và sau khi được ban hành liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao với nội dung và hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật; phần đầu 90% - 100% các chương trình đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc cho cán bộ, công chức, viên chức có nội dung phổ biến, cập nhật thông tin về chính sách pháp luật mới ban hành được tổ chức định kỳ hàng năm theo quy định của pháp luật; phần đầu hàng năm có từ 80% trở lên báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giảng viên dạy môn pháp luật trên địa bàn tỉnh được cung cấp, cập nhật thông tin, tài liệu pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cần thiết để tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật theo yêu cầu nhiệm vụ;

phần đầu 100% các nhà trường đều triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật theo chương trình giáo dục chính khóa và hoạt động ngoại khóa, có giáo viên, giảng viên dạy môn giáo dục công dân và môn pháp luật theo quy định; phần đầu từ 70% - 90% đối tượng đặc thù được phổ biến, giáo dục pháp luật chuyên biệt theo quy định của pháp luật; Khuyến khích, huy động các tổ chức tư vấn pháp luật, tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý, cơ sở đào tạo chuyên ngành luật thực hiện tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật miễn phí cho Nhân dân trên địa bàn tỉnh; khuyến khích các phương tiện thông tin đại chúng, cơ quan báo chí xây dựng, duy trì chương trình, chuyên trang, chuyên mục về pháp luật; phần đầu hầu hết các cơ quan, tổ chức, đơn vị đều lồng ghép, kết hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động chuyên môn, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm hành chính, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án...

Chương trình đã đề ra 06 nhóm nhiệm vụ cần tập trung triển khai thực hiện trong giai đoạn này, cụ thể như sau:

*Một là*, nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, của mỗi đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân



*Hội nghị phổ biến pháp luật lần thứ 1 năm 2017 của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh.  
Ảnh: PBGDPL*

dân trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, góp phần tích cực thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp và nhiệm vụ chính trị được giao.

**Hai là**, tổ chức thi hành nghiêm chỉnh, đồng bộ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; chú trọng hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình điểm, có hiệu quả; kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện; đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

**Ba là**, tiếp tục tham gia xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về phổ

biến, giáo dục pháp luật, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, phù hợp, nhằm triển khai công tác này theo đúng định hướng của Đảng, Nhà nước, đảm bảo thực hiện triệt để, có hiệu quả quyền được thông tin về pháp luật của Nhân dân.

**Bốn là**, tăng cường công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật; kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cụ thể, rà soát, phân công, thống nhất giao nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị, cán bộ làm đầu mối tham mưu triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến,

giáo dục pháp luật và Ban Thư ký Hội đồng trong tư vấn, xác định mục tiêu, hoạt động và điều phối nguồn lực; tăng cường trách nhiệm của thành viên Hội đồng và cơ quan thường trực Hội đồng trong tham mưu triển khai nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật của địa phương. Phát huy vai trò nòng cốt của ngành Tư pháp, người làm công tác pháp chế, công chức tư pháp - hộ tịch trong tham mưu, điều phối, tổ chức các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

*Năm là*, đổi mới nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin.

*Sáu là*, khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; phát huy vai trò, trách nhiệm xã hội của các tổ chức hành nghề luật, luật sư, luật gia, người làm công tác pháp luật tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân; phát huy vai trò giám sát, phản biện thực hiện chính sách, pháp luật, vận động Nhân dân, thành viên, hội viên tuân thủ và chấp hành pháp luật của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận tại cơ sở. Ưu tiên triển khai các nguồn lực tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, có điều kiện đặc biệt khó khăn, địa bàn xảy ra nhiều vi phạm pháp luật và trọng yếu về an ninh quốc phòng.

Ủy ban nhân dân tỉnh cũng giao trách nhiệm cho Sở Tư pháp trong

việc chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Chương trình; chủ trì thẩm định kế hoạch thực hiện các Đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm và cả giai đoạn để tránh trùng lặp, lãng phí nguồn lực; theo dõi, tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết, kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm, đề xuất biện pháp động viên, khen thưởng kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện; trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ khi cần thiết; định kỳ hàng năm tổng hợp, xây dựng báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Đồng thời, giao trách nhiệm cho các đơn vị, địa phương kịp thời xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể để thực hiện tốt nhiệm vụ này. Việc triển khai kịp thời và có hiệu quả chương trình PBGDPL giai đoạn 2017-2021 sẽ góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành, tự giác học tập, tìm hiểu pháp luật, xây dựng lối sống và làm việc theo pháp luật trong Nhân dân; đưa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật phát triển ổn định, bền vững, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tốt nhiệm vụ PBGDPL, bảo đảm quyền được tiếp cận thông tin về pháp luật của Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

**Phòng PBGDPL**



**Điện Biên:**

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện  
“Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt  
động của các cơ quan hành chính nhà nước”  
trên địa bàn tỉnh**

Ngày 22/8/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Kế hoạch số 2371/KH-UBND triển khai thực hiện "Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước" trên địa bàn tỉnh, với mục đích triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước", đồng thời xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan đơn vị đối với nhiệm vụ được giao, đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời và hiệu quả.

Đối tượng thực hiện Kế hoạch bao gồm: các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Phạm vi thực hiện gồm báo cáo, chế độ báo cáo theo ngành, lĩnh vực đang thực hiện hoặc yêu cầu thực hiện: Các báo cáo định kỳ thuộc các ngành, lĩnh vực quản lý của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước được thể hiện bằng văn bản (bao gồm báo cáo giấy và báo cáo điện tử) thực hiện giữa các cơ

quan hành chính nhà nước với nhau và báo cáo của các tổ chức, cá nhân gửi tới cơ quan hành chính nhà nước theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành (có thể dưới dạng văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính thông thường); hệ thống hóa, rà soát và xây dựng, thực thi phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ do các cơ quan chính quyền địa phương thuộc tỉnh quy định (bao gồm Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã). Phạm vi thực hiện không bao gồm báo cáo đột xuất, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê, báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước, báo cáo định kỳ tại các văn bản do các cơ quan nhà nước ở Trung ương quy định.

Kế hoạch gồm 03 nhóm công việc lớn và đã cụ thể hóa thành các công việc chi tiết cần tập trung triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

*Một là*, hệ thống hóa chế độ báo cáo: Tổ chức nghiên cứu, thu thập đầy đủ các báo cáo thuộc phạm vi quản lý với đầy đủ các thông tin cụ thể sau: Tên báo cáo, văn bản quy định báo cáo, ngành lĩnh vực, hình thức thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, cơ quan/đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan/đơn

vị chủ trì rà soát và xây dựng phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã lập Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý; tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định phê duyệt Danh mục báo cáo định kỳ do các cơ quan chính quyền địa phương thuộc tỉnh quy định.

*Hai là*, rà soát và xây dựng phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo: Trên cơ sở Danh mục báo cáo định kỳ đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã được phân công chủ trì tổ chức rà soát và xây dựng phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo; tổng hợp kết quả rà soát và nội dung phương án đơn giản hóa, gồm: Danh mục các báo cáo cần loại bỏ; danh mục các báo cáo cần tiếp tục duy trì, nhưng phải sửa đổi, bổ sung, thay thế kèm theo Phương án sửa đổi, bổ sung, thay thế từng loại báo cáo; danh mục các báo cáo cần tiếp tục duy trì, giữ nguyên (UBND cấp huyện tổng hợp kết quả rà soát của UBND cấp xã thuộc phạm vi quản lý); tổng hợp kết quả rà soát và phương án đơn giản hóa của các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo thực hiện trên địa bàn tỉnh.

*Ba là*, tổ chức thực thi phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo: Trên cơ sở Phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo đã được Chủ tịch Ủy ban nhân

dân tỉnh phê duyệt, tổ chức xây dựng, trình UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo hoặc hướng dẫn thực hiện báo cáo thuộc phạm vi thẩm quyền; đồng thời, hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện các phương án đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Để đảm bảo Kế hoạch triển khai thực hiện "Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước" trên địa bàn tỉnh đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, Ủy ban nhân dân đã giao nhiệm vụ cho các Sở, ban, ngành tỉnh căn cứ nội dung Kế hoạch này, chủ động xây dựng Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được giao; phân công cụ thể các phòng, đơn vị chức năng trực thuộc thực hiện việc hệ thống hóa, rà soát và xây dựng, thực thi phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo; tổ chức nghiên cứu, tham gia ý kiến, phối hợp với các cơ quan chủ trì khác trong quá trình hệ thống hóa, rà soát và xây dựng, thực thi phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo. Giao Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh chủ trì công tác tham mưu, tổng hợp và kiểm tra, đôn đốc thực hiện theo Kế hoạch đã được phê duyệt. Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho các cơ quan, đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật./.

**Đỗ Thị Khuyên - Phòng KSTTHC**

# TRỢ GIÚP PHÁP LÝ ĐIỆN BIÊN 18 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

*Đỗ Xuân Toán*

*Giám đốc Trung tâm TGPLNN tỉnh Điện Biên*

*Sau 18 năm, với những thăng trầm trong quá trình hoạt động trợ giúp pháp lý. Nhưng với một tập thể gắn kết, trách nhiệm, nỗ lực vượt khó vươn lên cùng với sự quan tâm, chỉ đạo và tạo điều kiện của Sở Tư pháp, UBND tỉnh, Cục trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp và sự phối hợp các cơ quan, tổ chức hữu quan, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên đã và đang vững bước trên con đường bảo vệ công lý cho những đối tượng chính sách...*

Điện Biên là một tỉnh miền núi biên giới phía Tây Bắc của tổ quốc, có diện tích tự nhiên là 9.569,2km<sup>2</sup>; có đường biên giới quốc gia dài

400,861km, trong đó: Tiếp giáp với nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 360km, tiếp giáp với nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa là 40,861km. Tỉnh có 10 đơn vị hành chính, gồm: 08 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố (trong đó có 05 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ, 02 huyện được hưởng cơ chế đầu tư theo Nghị quyết số: 30a/2008/NQ-CP), với 130 xã, phường, thị trấn (trong đó có 98 xã nghèo và 21 thôn bản đặc biệt khó khăn, 29 xã biên giới). Dân số toàn tỉnh năm 2015 là 547.378 người, gồm 19 dân tộc (trong đó: Dân tộc Thái chiếm 37,99%, dân tộc Mông chiếm 34,8%, dân tộc Kinh



*Tập thể công chức, viên chức Trung tâm TGPLNN tỉnh Điện Biên (Ảnh: TGPL)*

chiếm 18,42%, còn lại là các dân tộc thiểu số khác như: Khơ mú, Dao, Hà Nhì, Hoa, Kháng, La Hủ, ...). Năm 2015 có 9.165 Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (5.425 trẻ em mồ côi, 2.704 trẻ em khuyết tật, tàn tật, ...). Theo kết quả điều tra năm 2016, Điện Biên có tổng số 122.089 hộ dân, trong đó có 54.723 hộ nghèo, chiếm 44,82% và 10.694 hộ cận nghèo chiếm 8,76%. Như vậy, số người thuộc diện được hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý tại tỉnh Điện Biên là đặc biệt lớn.

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên (Trung tâm) được thành lập vào tháng 10 năm 1999 với 03 biên chế. Ngay từ những năm đầu thành lập, Trung tâm đã tổ chức thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý (TGPL) cho người được TGPL, trong đó có hoạt động tham gia tố tụng để bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho người được TGPL. Thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý, đến năm 2012, Điện Biên đã đào tạo và bổ nhiệm được 09 Trợ giúp viên pháp lý trong tổng số 21 biên chế được giao. Theo lộ trình của Đề án kiện toàn cơ quan làm công tác trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã xác định: đến năm 2015 Trung tâm có ít nhất 37 biên chế với cơ cấu với Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 03 phòng và 07 Chi nhánh phụ thuộc. Hoạt động TGPL đã góp phần nâng cao “Thiết chế pháp lý” trong Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Điện Biên trong những năm qua. Hiệu quả từ hoạt động TGPL mang lại đã được UBND tỉnh ghi nhận và giao cho nhiều nhiệm vụ quan trọng các chương trình, mục tiêu lớn của tỉnh.

**TƯ PHÁP ĐIỆN BIÊN**

Tuy nhiên, thực hiện chính sách tinh giản biên chế và sự thay đổi định hướng hoạt động TGPL nên đến nay Trung tâm có Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 02 Phòng chuyên môn và 05 Chi nhánh phụ thuộc với 04 Trợ giúp viên pháp lý. Đến nay, Trung tâm đang thiếu hụt nghiêm trọng về đội ngũ Người thực hiện TGPL do 05 Trợ giúp viên pháp lý chuyển công tác và nghỉ chế độ, công tác tạo nguồn Trợ giúp viên pháp lý chậm do đầu vào khi tuyển dụng của một số năm thấp (không có cử nhân luật); lực lượng luật sư trong tỉnh hạn chế cả về số lượng và năng lực hoạt động (chủ yếu là cán bộ về hưu và tập trung chủ yếu tại thành phố Điện Biên phủ nên hạn chế khả năng đi đến các vùng đặc biệt khó khăn trong tỉnh); Một số cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng chưa thực sự phối hợp trong công tác TGPL, dẫn tới tại một số địa bàn cấp huyện và một số lĩnh vực pháp luật không có vụ việc TGPL, đa số người dân vùng sâu, vùng xa chưa biết đến dịch vụ TGPL và một bộ phận người dân chưa thực sự tin tưởng vào dịch vụ TGPL miễn phí của Nhà nước, tình trạng vi phạm pháp luật có chiều hướng gia tăng về số lượng và đa dạng về hành vi,... là những thách thức không nhỏ với Trung tâm.

Để tháo gỡ những khó khăn, Điện Biên đã nỗ lực, tìm mọi biện pháp để đưa hoạt động TGPL đúng hướng và hiệu quả, như:

Để khắc phục tình trạng thiếu Người thực hiện TGPL, đã đẩy mạnh công tác xã hội hóa để huy động lực

lượng luật sư làm công tác TGPL. Trung tâm đã có công văn đề nghị Đoàn Luật sư tỉnh phối hợp vận động, đồng thời Trung tâm có thư ngỏ gửi đến từng luật sư để mời tham gia làm Cộng tác viên TGPL, có những chính sách ưu đãi, động viên, khích lệ đối với các luật sư cộng tác viên như tăng cường năng lực, kỹ năng TGPL, ưu tiên những vụ việc thuận lợi, tạo cơ chế thông thoáng với các cơ quan, tổ chức hữu quan để các luật sư thuận lợi trong hoạt động nghiệp vụ, thanh toán chế độ thù lao, bồi dưỡng nhanh chóng, đảm bảo, vụ việc nào cần nhiều người thực hiện TGPL thực hiện, Trung tâm bố trí xe ô tô phục vụ .... Từ những ưu đãi như vậy, đại đa số luật sư trong tỉnh đã làm thủ tục để trở thành CTV của Trung tâm (10/17 luật sư) và rất tích cực thực hiện vụ việc TGPL, bước đầu đã chủ động trong tìm kiếm vụ việc chuyên về Trung tâm để phân công thực hiện, số còn lại do già yếu hoặc ít hoạt động trên địa bàn tỉnh, nên không đăng ký làm CTV của Trung tâm.

Để khắc phục tình trạng các chi nhánh hoạt động không có hiệu quả, năm 2015 Trung tâm đã tham mưu tạm dừng hoạt động của 02 chi nhánh TGPL để chuẩn bị về nhân sự. Tập trung cử viên chức đủ điều kiện tham gia các khóa đào tạo chuyên môn để tạo nguồn trợ giúp viên pháp lý, dự kiến đến năm 2018, Điện Biên có đủ số Trợ giúp viên pháp lý thường trực tại các Chi nhánh để đảm bảo đáp ứng nhu cầu TGPL trong nhân dân với chất lượng đảm bảo.

Về một số địa bàn, một số lĩnh vực chưa có vụ việc TGPL, Trung tâm đã tham mưu đẩy mạnh hoạt động và nâng cao hiệu quả của Hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tổ tụng, trong đó đặc biệt chú trọng đến công tác phối hợp hoạt động truyền thông như niêm yết Bảng thông tin, Hộp tin về TGPL, tại trụ sở các cơ quan tiếp công dân, trụ sở Tòa án, trụ sở các cơ quan tiến hành tố tụng, trại tạm giam, nhà tạm giữ, niêm yết thông tin cơ bản ngay tại buồng tạm giữ, tạm giam và nơi sinh hoạt chung của người bị tạm giữ, tạm giam. Đồng thời, cung cấp mẫu đơn yêu cầu TGPL, các loại tờ gấp pháp luật về TGPL, tài liệu nhận diện đối tượng được TGPL và thủ tục yêu cầu TGPL,... cho cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, Tòa án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, ... Hiệu quả từ công tác phối hợp mang lại, năm 2016 số vụ việc tham gia tố tụng của Trung tâm đạt 298 vụ, tăng 169 vụ so với năm 2015, 05 tháng đầu năm 2017 đã thụ lý và phân công người thực hiện TGPL được 110 vụ việc tham gia tố tụng, đặc biệt số vụ việc thụ lý từ giai đoạn khởi tố, điều tra tăng cao (chiếm khoảng 80%). Địa bàn được mở rộng đến tất cả các huyện, thị xã, thành phố trong toàn tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp, ủng hộ hoạt động trợ giúp pháp lý...

Để khắc phục những tồn tại trong công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý, sự tin tưởng, ủng hộ của nhân dân đối với dịch vụ TGPL và giảm thiểu tình trạng vi phạm pháp luật trong nhân dân, tập thể Trung tâm nói chung và đội

ngũ Trợ giúp viên pháp lý nói riêng luôn luôn nỗ lực, cố gắng hết mình, đồng thời huy động tối đa lực lượng luật sư cộng tác viên nhằm đáp ứng 100% yêu cầu TGPL trong nhân dân với chất lượng đảm bảo; Chú trọng đến nâng cao chất lượng của vụ việc TGPL bằng việc hàng năm tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật, kỹ năng TGPL, trao đổi nghiệp vụ cũng như tham gia tố tụng ngay từ những giai đoạn đầu của vụ việc; thành lập bộ phận kiểm soát, thẩm định, đánh giá chất lượng vụ việc TGPL ngay sau khi hoàn thành; Thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về TGPL theo Quyết định số: 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ và tăng cường hoạt động TGPL lưu động đến với người dân vùng đặc biệt khó khăn nhằm tháo gỡ những vướng mắc pháp luật ngay tại cơ sở và góp phần nâng cao kiến thức pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật trong nhân dân, góp phần giảm thiểu tình

trạng vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết pháp luật.

Kế thừa những kết quả đạt được, năm tháng đầu năm 2017 TGPL Điện Biên đã có những bước khởi sắc vượt bậc, số lượng vụ việc tham gia tố tụng tăng cao ở nhiều lĩnh vực như hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, hành chính, ...; chất lượng vụ việc được nâng cao, nhiều vụ đạt chất lượng tốt, số vụ việc tố tụng hình sự người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia từ giai đoạn điều tra chiếm tỷ lệ lớn; địa bàn hoạt động đã bao phủ toàn tỉnh; uy tín, chất lượng ngày càng được khẳng định - là chỗ dựa vững chắc về công lý cho các đối tượng chính sách.

Với những thay đổi về chính sách TGPL trong thời gian tới, đặc biệt là Luật Trợ giúp pháp lý sửa đổi được ban hành, hy vọng rằng chế độ chính sách đối với viên chức TGPL được đảm bảo và ổn định, để người thực hiện TGPL yên tâm với nghề, hết mình phục vụ nhân dân./.

## Nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên sóng phát thanh truyền hình

*Nhâm Văn Hòa*

*PGĐ Đài PT - TH tỉnh Điện Biên*

Với đặc tính cơ bản của báo chí là tính phổ cập, nhanh chóng, kịp thời và rộng khắp, trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, báo chí, nói chung, báo phát thanh truyền hình nói riêng đóng vai trò quan trọng, là công cụ, phương tiện hữu hiệu đưa pháp luật đến với cán bộ, nhân dân,

giúp cho đông đảo cán bộ, nhân dân dễ dàng tiếp thu, nắm bắt, tìm hiểu, nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật. Báo chí góp phần phản ánh thực tiễn thi hành pháp luật và hướng dẫn dư luận xã hội ủng hộ, biểu dương người tốt, việc tốt trong chấp hành pháp luật, lên án, phê phán những biểu hiện tiêu cực,

những hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội, tạo niềm tin vào pháp luật, vào công lý trong mọi tầng lớp nhân dân. Trong công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật, báo chí còn đóng vai trò là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Bên cạnh việc tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến nhân dân, báo chí còn là diễn đàn thực hiện quyền tự do ngôn luận của nhân dân. Báo chí phản ánh những đề xuất, kiến nghị của người dân với Đảng, Nhà nước về các chính sách, các quy định pháp luật chưa thật phù hợp, về những bất cập, những vướng mắc, bức xúc trong thực tiễn thi hành, chấp hành pháp luật. Với chức năng là phương tiện thông tin đại chúng, trong những năm qua Đài Phát thanh - truyền hình đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, trong đó có nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Là một cơ quan báo chí, Đài phát thanh truyền hình hiện nay có những thế mạnh vượt trội về khả năng thông tin tức thời, đa phương tiện - cùng một lúc truyền tải chữ viết, hình ảnh, âm thanh; tính tương tác cao; khả năng lưu trữ lớn đã đáp ứng tối đa nhu cầu hưởng thụ thông tin của công chúng. Do vậy, Đài PTTH có vị trí quan trọng trong tuyên truyền pháp luật: là công cụ, phương tiện hữu hiệu đưa pháp luật đến với cán bộ, đảng viên và nhân dân, giúp cho đông đảo cán bộ, nhân dân dễ dàng tìm hiểu, tiếp thu, nắm bắt, nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật. Đồng thời, góp phần phản ánh sinh động thực tiễn thi hành pháp luật và hướng dẫn dư luận xã hội ủng hộ, biểu dương người

tốt việc tốt trong chấp hành pháp luật; lên án, phê phán những biểu hiện tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội, tạo niềm tin vào pháp luật, vào công lý trong nhân dân. Báo phát thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử của đài thực sự là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; là diễn đàn thực hiện quyền tự do ngôn luận của nhân dân; phản ánh những đề xuất, kiến nghị của nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Trong những năm qua, thực hiện nhiệm vụ công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, ngoài công tác tuyên truyền thường xuyên, đài PTTH tỉnh đã sớm chủ động xây dựng chuyên mục "Nhà nước và Pháp luật" trên sóng phát thanh truyền hình, đối với truyền hình chuyên mục này có tổng thời lượng 20 phút phát sóng định kỳ vào tối thứ 6 hàng tuần, phát thanh có thời lượng 30 phút phát định kỳ vào thứ 3 hàng tuần. Nội dung tuyên truyền pháp luật của Đài PTTH là những văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành và những văn bản pháp quy do các cấp chính quyền địa phương ban hành mà các chủ thể tuyên truyền cần truyền đạt, trang bị cho nhân dân. Đó là những bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị định, các loại văn bản QPPL khác, đang có giá trị và hiệu lực thực thi, như: Hiến pháp; Bộ luật Dân sự; Bộ luật Lao động; Luật Đất đai; Luật Hôn nhân và gia đình; Pháp luật phòng, chống tham nhũng; Pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Khoảng 3 năm gần đây, nhằm nâng cao tính hiệu quả của chuyên mục "Pháp luật và đời sống" Đài PTTH tỉnh đã phối hợp với

Sở Tư Pháp trong việc trả lời, giải đáp cũng như việc xây dựng công văn gửi các cấp, các cơ quan có thẩm quyền trả lời, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân và đã có hàng trăm đơn thư của công dân được các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng giải quyết thấu đáo và kịp thời.

Một trong những nội dung tuyên truyền quan trọng là thực tiễn đời sống pháp luật trên địa bàn tỉnh đã được đài PTTH quan tâm như: kết quả triển khai tuyên truyền pháp luật; kết quả thực hiện pháp luật; những gương sáng điển hình, tấm gương “người tốt, việc tốt” trong thực hiện pháp luật; tình hình tội phạm trên địa bàn; các âm mưu, thủ đoạn, phương thức phạm tội mới xuất hiện; kết quả hoạt động xét xử, bảo vệ pháp luật của các cơ quan chức năng. Việc phổ biến, tuyên truyền những nội dung thông tin về thực tiễn đời sống pháp luật đã góp phần động viên, khuyến khích, cổ vũ nhân dân học tập, làm theo những tấm gương sáng trong thực hiện pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cộng đồng, đồng thời giáo dục nâng cao cảnh giác trước các âm mưu, thủ đoạn phạm tội, tích cực tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm của nhân dân.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, đài PTTH cũng nhận thấy việc tuyên truyền pháp luật phòng, chống tham nhũng trong các lĩnh vực: tổ chức - cán bộ, quản lý đất đai, xây dựng chưa được nhiều cả về số lượng, chất lượng, chưa phản ánh đầy đủ thực tế tình trạng tham nhũng trong các lĩnh

vực này. Việc tuyên truyền pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa đậm nét. Mặt khác, sự tương tác giữa cơ quan báo chí với độc giả chưa cao; hình thức trao đổi mới chỉ dừng lại ở việc truyền thông tin mà chưa nâng tầm thông tin ở mức cao hơn như: giáo dục, cảnh báo về những hành vi vi phạm pháp luật để tuyên truyền cho người khác.

Để nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật trên báo phát thanh truyền hình, đài PTTH xác định các giải pháp: Đó là, nâng cao chất lượng tin bài, cả nội dung và hình thức, trong đó chất lượng nội dung thông tin, sức hấp dẫn của việc truyền tải thông tin, hình thức thể hiện thông tin là yếu tố quan trọng. Do đó, bên cạnh việc nâng cao chất lượng thông tin, hàm lượng thông tin, việc lựa chọn cách thức, thể loại truyền tải thông tin phù hợp, hình thức thể hiện phong phú, sinh động, hiện đại, thân thiện sẽ làm cho các chương trình phát thanh truyền hình phát huy cao nhất thế mạnh của mình góp phần định hướng dư luận xã hội. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công tác viên, phóng viên, biên tập viên cho chuyên mục Nhà nước và pháp luật vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, có tư cách đạo đức tốt, đồng thời phải có trình độ và kiến thức cần thiết về pháp luật. Đào tạo nâng cao trình độ pháp luật cho đội ngũ phóng viên để bổ sung nguồn phóng viên, biên tập viên cho chuyên mục, cùng với Sở Tư pháp xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật vừa có chuyên môn sâu vừa có khả năng đáp ứng yêu cầu mang tính đặc thù của báo nói báo hình như giọng đọc, hình



ảnh, khả năng tương tác tốt với khán, thính giả.

Bên cạnh đó, đài PTTH cũng đề xuất: Sở Tư pháp làm đầu mối phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với cơ quan báo chí trong định hướng tuyên truyền pháp luật như tổ chức giao ban, họp báo định kỳ giữa cơ quan tư pháp, các ban, ngành có liên quan với phóng viên báo chí để thông tin, định hướng nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong năm, từng tháng, quý; một mặt, vừa giúp báo chí kịp thời phổ biến những chính sách, văn bản pháp luật mới; mặt khác, đó cũng là dịp để đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác tuyên truyền pháp luật trên báo chí thời gian qua, định hướng cho công tác này trong thời gian tiếp theo.

Xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên mục phổ biến, giáo dục pháp luật trên báo chí, cung cấp sách báo, tài liệu pháp luật; hỗ trợ một phần kinh phí giúp cơ quan đài PTTH tổ chức mạng lưới cộng tác viên viết về pháp luật;

cùng với đài PTTH làm đầu mối tổ chức các cuộc họp cộng tác viên, sơ kết, tổng kết việc phổ biến, giáo dục pháp luật trên báo chí, tổ chức khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên báo chí.

Cơ quan Tư pháp cần giúp báo, đài xây dựng đội ngũ cộng tác viên viết về pháp luật. Tổ chức các hội nghị chuyên đề, các lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật ngắn ngày, theo chuyên đề nhằm nâng cao nghiệp vụ, kiến thức pháp luật cho đội ngũ cộng tác viên, phóng viên, biên tập viên viết về pháp luật. Tổ chức các câu lạc bộ pháp luật cho phóng viên viết về pháp luật. Tổ chức các cuộc thi viết về pháp luật cho các chương trình, chuyên mục pháp luật. Đây là hình thức có tác dụng mở rộng mạng lưới cộng tác viên, nâng cao nghiệp vụ của phóng viên viết về pháp luật./.

STP tỉnh Điện Biên:

Phát động và tổ chức thực hiện phong trào thi đua  
**“Ngành Tư pháp tỉnh Điện Biên chung sức  
góp phần xây dựng nông thôn mới”**

Nhằm lập thành tích chào mừng kỷ niệm các sự kiện lớn trong năm 2017 và triển khai thực hiện tốt Quyết định số 2288/QĐ-BTP ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện

phong trào thi đua “Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Điện Biên về việc ban

hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua "*Cả nước chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới*" giai đoạn 2016 – 2020. Ngày 23/5/2017, Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch số 506/KH-STP phát động và tổ chức thực hiện phong trào thi đua "*Ngành tư pháp tỉnh Điện Biên chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới*" giai đoạn 2017- 2020. Phong trào thi đua gồm các nội dung cụ thể sau:

### **1. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

Chủ trì xây dựng, thẩm định, tham gia ý kiến 100% các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được giao; nâng cao chất lượng, đảm bảo tiến độ xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; tích cực tham mưu, đề xuất thể chế hóa đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, khả thi các chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới, nhằm nâng cao chất lượng, đảm bảo tiến độ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trực tiếp đến vấn đề xây dựng nông thôn mới như: pháp luật về đất đai, môi trường, hôn nhân và gia đình, tôn giáo, dân tộc, bình đẳng giới, chính sách xã hội, quy hoạch phát triển nông thôn, thương mại, văn hóa, y tế, giáo dục; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, phòng chống tội phạm, dân chủ cơ sở, an sinh xã hội, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật,...đảm bảo đúng tiến độ. Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời phát hiện những văn bản có dấu hiệu trái

pháp luật và kiến nghị xử lý theo đúng quy định nhằm không ngừng hoàn thiện thể chế pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và nông thôn trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh.

### **2. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật**

Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở ở địa bàn cấp xã theo Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; giải quyết kịp thời và dứt điểm những mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật nhỏ trong các thôn, bản, cụm dân cư..., tạo chuyển biến cơ bản trong ý thức tuân thủ, chấp hành Hiến pháp và pháp luật của nhân dân, chú trọng vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Triển khai thực hiện tốt Quyết định 619/QĐ-TTg, ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, gồm 05 tiêu chí với 25 chỉ tiêu cụ thể và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao về đánh giá, công nhận, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bảo đảm và tăng cường tiếp cận pháp luật cho người dân theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Triển khai thực hiện hương ước, quy ước, góp phần thực hiện cuộc vận động

“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

### **3. Công tác trợ giúp pháp lý**

Tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý theo Chiến lược phát triển Trợ giúp pháp lý ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình; cung cấp dịch vụ pháp lý có chất lượng, hiệu quả, đáp ứng phần lớn yêu cầu trợ giúp pháp lý của đối tượng trợ giúp pháp lý. Phân đầu đạt tỷ lệ sau: từ 80% - 95% người thuộc diện trợ giúp pháp lý được biết về quyền được trợ giúp pháp lý của họ và các thông tin liên quan đến tố chức, điều kiện, trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý; 100% người thuộc diện được trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu đều được trợ giúp pháp lý đáp ứng ngay tại cơ sở; Cử Trợ giúp viên pháp lý, luật sư tham gia tố tụng để đại diện, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của 80% - 100% các vụ án có đương sự, bị can, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là người được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu trợ giúp pháp lý.

### **4. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật**

Phân đầu hàng năm 100% Sở, ngành, địa phương thực hiện nghiêm

túc, đầy đủ, bảo đảm chất lượng các chế độ báo cáo về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật; Phân đầu 100% các kết quả theo dõi thi hành pháp luật được xử lý theo thẩm quyền hoặc có văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý; Tăng cường theo dõi thi hành pháp luật trong các lĩnh vực có liên quan, tác động đến việc hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

### **5. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính**

Niêm yết công khai đầy đủ, kịp thời, chính xác tất cả các thủ tục hành chính trong đó có thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền tại địa điểm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; Cập nhật thủ tục hành chính trong đó có lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định; Kiến nghị, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

### **6. Công tác hộ tịch, chứng thực**

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Luật hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành; Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức Tư pháp - Hộ tịch các xã khu vực nông thôn; Chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch, phù hợp theo Đề án Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc tại địa phương; Triển khai

---

---

thực hiện Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh; Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết các việc hộ tịch, đặc biệt là vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; cải thiện, tăng dần tỷ lệ đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, hạn chế và dần dần loại trừ, chấm dứt tình trạng chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn; Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết các việc chứng thực tại địa bàn nông thôn.

### **7. Công tác hỗ trợ Tư pháp**

Đối với hoạt động luật sư: Trong giai đoạn 2016 - 2020 tiếp tục phát triển đội ngũ luật sư đáp ứng tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2020 có 30 luật sư để đáp ứng nhu cầu về dịch vụ pháp lý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong đó chú trọng hỗ trợ pháp lý (tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng), tư vấn miễn phí cho nông dân, phụ nữ, trẻ em...; Đảm bảo đội ngũ luật sư tham gia 100% số lượng các vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.

Đối với hoạt động công chứng: Quy hoạch phát triển mạng lưới các tổ chức hành nghề công chứng rộng khắp và phân bố hợp lý, đáp ứng nhu cầu công chứng các hợp đồng, giao dịch của tổ chức, cá nhân trong xã hội với mục tiêu đến năm 2020 mỗi địa bàn cấp huyện có ít nhất 01 tổ chức hành

nghề công chứng, mỗi tổ chức có ít nhất 02 công chứng viên.

### **8. Công tác kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch ở cấp xã**

Tăng cường củng cố, kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch ở cấp xã đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành bằng pháp luật của chính quyền cấp xã; phấn đấu đến năm 2020, 100% cấp xã loại I và loại II có từ 02 công chức Tư pháp - Hộ tịch trở lên và 100% công chức làm công tác hộ tịch đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Luật hộ tịch và được bồi dưỡng về nghiệp vụ hộ tịch.

### **9. Thực hiện các hoạt động khác**

Gắn phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới với cuộc vận động học tập làm theo tám gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các cuộc vận động khác để tạo ra động lực và sức mạnh tổng hợp thực hiện tốt các phong trào thi đua đã đề ra; Tiếp tục nhân rộng các mô hình và cách làm hay đã được các đơn vị triển khai có hiệu quả tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý; Tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức phong trào và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giao lưu học hỏi giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai các mô hình và cách làm hay.

Phong trào được triển khai thực hiện từ khi Kế hoạch được ban hành đến hết năm 2020./.

*VP Sở Tư pháp*

HỘI ĐỒNG PHLN VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ:

## Kiểm tra hoạt động phối hợp tại địa bàn 02 huyện Điện Biên và Điện Biên Đông

Huyện Điện Biên Đông và huyện Điện Biên là những địa bàn còn xảy ra nhiều tình trạng vi phạm pháp luật, đặc biệt ý thức chấp hành pháp luật của người dân còn hạn chế. Bên cạnh đó, huyện Điện Biên Đông là một trong số các huyện nghèo của tỉnh Điện Biên. Do đó, tại hai huyện Điện Biên Đông và huyện Điện Biên là nơi tập trung của đa số những người thuộc đối tượng được hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí của Nhà nước như: người nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người có công với cách mạng và một số diện người yếu thế khác theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý hiện hành. Với tình hình chính trị - xã hội còn nhiều phức tạp, nhiều người dân còn thiếu hiểu biết đã vô tình vướng vào vòng lao lý. Do đó, nhu cầu trợ giúp pháp lý trên địa bàn hai huyện này là rất lớn.

Thực hiện Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý năm 2017, Chủ tịch Hội đồng đã ban hành Kế hoạch kiểm tra



*Đoàn kiểm tra HĐPHLN họp với các cơ quan THTT tại huyện Điện Biên*

hoạt động phối hợp về công tác trợ giúp pháp lý của các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn 02 huyện Điện Biên Đông và Điện Biên. Từ ngày 14/8 đến ngày 17/8/2017, Đoàn kiểm tra do đồng chí Phạm Đình Quế - Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Hội đồng cùng một số ngành thành viên như: Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh,... đã tiến hành làm việc và kiểm tra trực tiếp tại các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn 02 huyện này. Nội dung của đợt kiểm tra tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm như: Công tác chỉ đạo, triển khai Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP - BCA - BQP - BTC - VKSNDTC - TANDTC ngày 04 tháng 7 năm 2013 của Bộ Tư pháp - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

- Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng; Kết quả của các hoạt động phối hợp TGPL: Việc niêm yết Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý; phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh để thực hiện các hoạt động truyền thông; việc giải thích về chính sách trợ giúp pháp lý cho đối tượng được trợ giúp pháp lý; vấn đề cấp Giấy chứng nhận tham gia tố tụng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý; việc thông báo thời gian, địa điểm làm việc cho người thực hiện trợ giúp pháp lý; việc giao các văn bản tố tụng và tạo điều kiện cho người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện nhiệm vụ.

Xác định công tác trợ giúp pháp lý là một chính sách nhân đạo lớn của Nhà nước, nhằm đem lại sự công bằng, minh bạch và đảm bảo quyền lợi của nhân dân, đặc biệt là trong công tác tham gia tố tụng. Trong năm 2017, các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn hai huyện luôn có sự trao đổi, phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi để công tác trợ giúp pháp lý trên địa bàn đạt hiệu quả cao, đảm bảo cho các bị can, bị cáo được hưởng đầy đủ các dịch vụ pháp lý miễn phí của Nhà nước.

Qua đợt kiểm tra công tác Phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng năm 2017 tại 02 huyện Điện Biên và Điện Biên Đông, Hội đồng Phối hợp liên ngành đã có những nhận định, đánh giá khách quan và đưa ra những giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả công

tác phối hợp tại địa phương. Qua đánh giá cho thấy các huyện còn gặp nhiều khó khăn trên mọi lĩnh vực, đặc biệt Điện Biên Đông là huyện miền núi có 13/14 xã, thị trấn thuộc diện đặc biệt khó khăn, trình độ dân trí còn thấp, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Những năm gần đây tỷ lệ tội phạm, vi phạm tăng cao (bình quân mỗi năm khoảng 70-100 vụ) theo báo cáo của các cơ quan tiến hành tố tụng thì số án thụ lý 6 tháng đầu năm 2017 là 45 vụ với 54 đối tượng trong đó các bị can, bị cáo thuộc diện trợ giúp pháp lý chiếm đa số. Tuy nhiên do trên địa bàn huyện chưa có Chi nhánh trợ giúp pháp lý trong khi Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước lại quá xa mà đời sống kinh tế cũng như nhận thức pháp luật của người dân còn nhiều khó khăn nên việc tìm đến Trung tâm để yêu cầu trợ giúp pháp lý còn thấp, chủ yếu là các vụ án theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 Bộ luật tố tụng Hình sự (đối với các trường hợp nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng). Trong khi đó, huyện Điện Biên là huyện có nhiều lợi thế hơn về cơ sở vật chất cũng như trình độ dân trí khá cao, nhưng đây lại là huyện biên giới nên tình hình an ninh chính trị khá phức tạp. Có 15/25 xã thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí tuy nhiên nhiều người dân còn chưa biết đến dịch vụ trợ giúp pháp lý nên số đối tượng có nhu cầu để được trợ giúp pháp lý miễn phí không cao, theo thống kê của Công an huyện thì số đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý được hưởng các dịch vụ trợ giúp pháp lý đến kỳ báo cáo

là 24/60 đối tượng, tại Tòa án nhân dân số đối tượng thuộc diện được hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý là 15/114 đối tượng. Kết quả đợt kiểm tra cho thấy:

Về Công tác chỉ đạo, triển khai quán triệt Thông tư liên tịch số 11: Các cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tại hai huyện đã nghiêm túc triển khai quán triệt thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý và Thông tư liên tịch số 11 đến toàn thể cán bộ, công chức thuộc đơn vị, bình quân 3-4 lần/năm. Việc quán triệt được thực hiện thông qua các hình thức như lồng ghép trong các buổi giao ban, các đợt tập huấn, các buổi sinh hoạt Chi bộ hoặc có những đơn vị đã tổ chức riêng các buổi hội nghị quán triệt Thông tư. Cụ thể, tại huyện Điện Biên Đông, Công an huyện đã triển khai thông tư liên tịch số 11 bằng hình thức triển khai tại Hội nghị và các buổi giao ban được 08 lần với sự tham gia của 100% cán bộ chiến sỹ trong hệ thống cơ quan Cảnh sát điều tra và Nhà tạm giữ Công an huyện. Tại huyện Điện Biên, Công an huyện đã tổ chức tại các buổi giao ban vào thứ 2 và thứ 6 hàng tuần, triển khai 01 lần tại buổi đọc báo của đơn vị với sự tham gia của 165 cán bộ, chiến sỹ trong đơn vị. Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân đã tổ chức quán triệt qua các buổi họp cơ quan, sinh hoạt chi bộ với sự tham gia của 100% cán bộ, công chức trong đơn vị.

Việc niêm yết Bảng thông tin, Hộp tin, Tờ tin về trợ giúp pháp lý: trên cơ sở Bảng thông tin do Trung tâm trợ

giúp pháp lý cung cấp, các đơn vị đã niêm yết tại những vị trí dễ tiếp cận thuộc đơn vị mình như trước cửa buồng thẩm vấn, tại các phòng tạm giam của Công an. Trong đó, Công an huyện Điện Biên Đông đã niêm yết 04 Bảng thông tin về TGPL và đặt 02 Hộp tin (*trong đó bao gồm tờ gấp pháp luật về trợ giúp pháp lý và Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý*) trong khu nhà tạm giữ. Tờ tin về trợ giúp pháp lý được dán tại các buồng tạm giữ, tạm giam. Công an huyện Điện Biên đã niêm yết 01 Hộp tin (*có tờ gấp pháp luật về trợ giúp pháp lý và Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý*), 04 bảng thông tin về trợ giúp pháp lý trong đó 03 Bảng tại nhà tạm giữ, 01 Bảng tại phòng nhận quà và thăm người bị tạm giữ, tạm giam. Ngoài ra, còn phát tờ gấp pháp luật về trợ giúp pháp lý cho các bị can, bị cáo trong buồng tạm giữ, nhà tạm giam.

Về việc giải thích quyền được trợ giúp pháp lý: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện giải thích quyền được trợ giúp pháp lý cho các đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý khi bị bắt, tạm giam, xét xử. Trong kỳ báo cáo Công an huyện Điện Biên Đông đã thực hiện giải thích cho 50 đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý, việc giải thích được ghi vào Biên bản hỏi cung đầu tiên, Công an huyện Điện Biên đã giải thích cho 60 đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý và việc giải thích được lập thành biên bản riêng,... Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra trực tiếp một số buồng tạm



giám tại Nhà tạm giam thuộc Công an 02 huyện và hỏi một số bị can, bị cáo về việc giải thích quyền được trợ giúp pháp lý. Kết quả cho thấy cán bộ các Nhà tạm giam đã giải thích khá sâu sắc và đầy đủ về quyền được trợ giúp pháp lý; các bị can, bị cáo chủ yếu là người dân tộc thiểu số có trình độ học vấn thấp, có người không biết chữ nhưng cơ bản đều đã hiểu về một số quyền được trợ giúp pháp lý của mình.

Để có cơ sở đánh giá cụ thể, sát thực về hiệu quả công tác phối hợp, Hội đồng phối hợp đã kiểm tra trực tiếp trên 30 hồ sơ của các cơ quan tiến hành tố tụng tại 02 huyện. Kết quả kiểm tra các hồ sơ cho thấy: các Cơ quan Công an và Tòa án nhân dân đều nghiêm túc thực hiện việc thông báo thời gian xét hỏi, xét xử cho người thực hiện trợ giúp pháp lý. Bên cạnh đó, công tác chuyển đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của các bị can, cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng cho người thực hiện trợ giúp pháp

lý đều kịp thời, nhanh chóng. Viện kiểm sát nhân dân các huyện thường xuyên kiểm sát các hoạt động phối hợp về trợ giúp pháp lý (xác định đối tượng được trợ giúp pháp lý, giải thích và ghi biên bản giải thích quyền được trợ giúp pháp lý, thông báo văn bản tố tụng cho người thực hiện trợ

giúp pháp lý), kiểm sát việc nhà tạm giam, tạm giữ thực hiện quyền của bị can và trách nhiệm thực hiện của Điều tra viên, giám thị. Tòa án nhân dân và Công an đều nghiêm túc thực hiện việc chuyển Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý của các đối tượng đến Trung tâm trợ giúp pháp lý; Việc cấp Giấy chứng nhận tham gia tố tụng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý đã thực hiện đầy đủ: tại Công an huyện Điện Biên Đông cấp 08 lần, công an huyện Điện Biên cấp 24 lần; Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông cấp 02 lần, Tòa án huyện Điện Biên cấp 15 lần. Việc cấp Giấy chứng nhận được thực hiện một lần tại cơ quan tiếp nhận quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng của Trung tâm TGPL và có hiệu lực cho cả quá trình tham gia tố tụng, trừ trường hợp quy định tại Điều 45 Luật Trợ giúp pháp lý.



Ngoài ra, các đơn vị có vụ việc thực hiện trợ giúp pháp lý đều nghiêm túc thực hiện việc giao các văn bản tố tụng như Quyết định khởi tố, Kết luận điều tra, quyết định đưa vụ án ra xét xử, lịch xét xử,... cho những người thực hiện trợ giúp pháp lý. Khi Trung tâm cử các Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư là Cộng tác viên trợ giúp pháp lý, các đơn vị có vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia đều tạo điều kiện để người thực hiện tiếp xúc với bị can, bị cáo qua việc tham gia hỏi cung, tiếp xúc hồ sơ vụ án để nghiên cứu toàn diện vụ việc trước khi tham gia xét xử của Tòa án.

Tổng kết đợt kiểm tra cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được thì công tác phối hợp giữa các ngành còn gặp nhiều khó khăn và vướng mắc như: Việc quán triệt Luật Trợ giúp pháp lý, Thông tư liên tịch số 11 chưa thường xuyên và một số đơn vị chưa mở hội nghị riêng để triển khai cụ thể mà chủ yếu là kết hợp triển khai quán triệt trong các buổi họp giao ban của đơn vị. Vì vậy nhận thức về đối tượng được trợ giúp pháp lý chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, chỉ tập trung vào nhóm đối tượng người được trợ giúp pháp lý là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chưa chú trọng đến việc giải thích quyền được trợ giúp pháp lý cho những đối tượng khác ngoài người bị tạm giữ, bị can trong vụ án hình sự; nguyên đơn, bị đơn trong vụ án dân sự; Việc giải thích quyền được trợ giúp

cho các đối tượng chưa cụ thể, chủ yếu thực hiện lồng ghép vào việc giải thích Điều 48, 49, 50 Bộ luật tố tụng Hình sự. Một số hồ sơ chưa ghi vào Biên bản hỏi cung việc giải thích quyền được trợ giúp pháp lý....

Nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc một cách triệt để, Hội đồng phối hợp liên ngành và các đơn vị đã kiểm tra cùng thống nhất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phối hợp như: Các ngành thành viên thuộc Hội đồng cần nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của từng thành viên Hội đồng trong việc tham mưu, hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng của ngành mình; Nâng cao trách nhiệm, sự chủ động của các thành viên Tổ giúp việc Hội đồng; Tiếp tục quán triệt Luật Trợ giúp pháp lý và Thông tư số 11 cho đội ngũ cán bộ, công chức của cơ quan; tập trung nâng cao nhận thức về đối tượng được trợ giúp pháp lý; Nâng cao trách nhiệm giải thích quyền được trợ giúp pháp lý cho Người bị tạm giữ, Bị can là đối tượng được trợ giúp pháp lý của đội ngũ người tiến hành tố tụng; việc giải thích quyền được trợ giúp pháp lý được thực hiện từ thời điểm bị bắt, tạm giữ, tạm giam, thụ lý vụ án cho đến giai đoạn xét xử...

*Bài & Ảnh: Lê An*

**Trung tâm TGPLNN Điện Biên**

## **Những điểm mới trong triển khai nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP**

Ngày 08/5/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 619/QĐ-TTg ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Trên cơ sở đó, ngày 28/7/2017, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 07/2017/TT-BTP quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2017.

So với Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg thì nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 619/QĐ-TTg và Thông tư số 07/2017/TT-BTP có nhiều điểm mới, cụ thể như sau:

### ***Thứ nhất, về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng***

Thông tư quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; biểu mẫu thực hiện đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; thành phần và hoạt động của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Thông tư này áp dụng đối với chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

### ***Thứ hai, về điểm số, cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật và biểu mẫu thực hiện đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật***

Thông tư số 07/2017/TT-BTP đã xác định cụ thể nội dung thành phần và điểm số cụ thể của 25 chỉ tiêu tiếp cận pháp luật với tổng số điểm là 100 điểm. Riêng đối với chỉ tiêu xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) thì điểm số được xác định theo công thức sau:

$$\text{Số điểm của chỉ tiêu} = (\text{Tỷ lệ \% đạt được} \times \text{Số điểm tối đa của chỉ tiêu}) / 100$$

Phụ lục II của Thông tư đã quy định 9 biểu mẫu thực hiện đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bao gồm: (1) Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm; (2) Phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính; (3) Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính; (4) Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của UBND xã; (5) Công văn đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; (6) Biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật; (7) Danh sách xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; (8) Danh sách xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; (9) Quyết

định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

### ***Thứ ba, về Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật***

Thông tư quy định chỉ thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật tại cấp huyện và quy định cụ thể thành phần, số lượng tối đa thành viên của Hội đồng; nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng; cuộc họp Hội đồng và xác định mối quan hệ công tác giữa Hội đồng, thành viên Hội đồng và Phòng Tư pháp.

Hội đồng có chức năng tư vấn, tham mưu giúp Chủ tịch UBND huyện thực hiện việc xem xét, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; trao đổi, đề xuất sáng kiến, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật; xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và việc thực hiện các sáng kiến, giải pháp đó trong phạm vi địa phương và thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch UBND huyện giao.

Phòng Tư pháp là cơ quan thường trực Hội đồng có quyền yêu cầu Chủ tịch UBND xã cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu cho Hội đồng về các nội dung cần yêu cầu giải trình, bổ sung làm rõ.

### ***Thứ tư, về đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã***

Đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng bao gồm tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm của UBND xã và đã được trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong năm đánh giá hoặc năm trước liền kề năm đánh giá. Số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng

hàng năm của mỗi đơn vị cấp xã do UBND tỉnh hướng dẫn nhưng tối thiểu phải đạt từ 15% trở lên số lượt thủ tục hành chính tại xã đã được giải quyết và trả kết quả của năm trước liền kề năm đánh giá.

Thông tư cũng quy định trường hợp đối với cấp xã trong năm đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cũng thực hiện đo lường sự hài lòng về chỉ số cải cách thủ tục hành chính (chỉ số PAR INDEX) thì có thể lồng ghép đánh giá hoặc sử dụng kết quả của chỉ số này để tính điểm chỉ tiêu 5 về “*bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính*” của Tiêu chí 2.

Căn cứ điều kiện thực tế địa phương, việc tổ chức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã bằng hình thức Phiếu lấy ý kiến có thể được thực hiện vào cuối tháng, cuối quý hoặc 6 tháng một lần.

Thông tư cũng quy định cụ thể về cách thức tổ chức thực hiện đánh giá sự hài lòng, nhiệm vụ của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trong thực hiện đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

### ***Thứ năm, về sử dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới***

Thông tư quy định trong trường hợp việc đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới được tổ chức đồng thời với đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì sử dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp

cận pháp luật của năm đánh giá để xét, đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới.

*Thứ sáu, về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức*

Thông tư quy định Phòng Tư pháp cấp huyện, công chức Tư pháp - Hộ tịch ở xã là đầu mối thường trực tham mưu, giúp UBND, Chủ tịch UBND cùng cấp thực hiện nhiệm vụ xây dựng

cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương. Cơ quan, tổ chức có liên quan đến đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện nhiệm vụ được giao theo Thông tư này và theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền./.

*Phạm Thị Ngân*

*Trưởng phòng Tư pháp huyện Nậm Pồ*

## **Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

Nhằm cụ thể hóa quy định tại Điều 4, Điều 5 và khoản 1 Điều 7 Thông tư số 338/2016/TT-BTC, đồng thời tạo căn cứ pháp lý để tổ chức thực hiện việc lập dự toán, quản lý, sử dụng quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật của tỉnh, ngày 13/7/2017, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND Quy định định mức phân bổ và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên, áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên, với những nội dung như: Định mức phân

bổ, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện, cụ thể như sau:

### **Đối với định mức phân bổ kinh phí**

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế: Cấp tỉnh: 10.000.000 đồng/văn bản; Cấp huyện: 8.000.000 đồng/văn bản và cấp xã: 6.000.000 đồng/văn bản.

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân được sửa đổi, bổ sung: Cấp tỉnh: 8.000.000 đồng/văn bản; Cấp huyện: 6.400.000 đồng/văn bản và cấp xã: 4.800.000 đồng/văn bản.

**Đối với mức chi cho các nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật:** căn cứ nhiệm vụ và mức kinh phí được giao để thực hiện xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị

quyết định thực hiện chi tiêu cho các nội dung công việc trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị nhưng không được vượt quá định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết này, cụ thể:

- **Chi xây dựng đề cương chi tiết dự thảo văn bản QPPL:** Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân:

Đối với văn bản mới hoặc thay thế: Cấp tỉnh: 950.000 đồng/đề cương; cấp huyện: 670.000 đồng/đề cương và cấp xã: 470.000 đồng/đề cương;

Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: Cấp tỉnh: 650.000 đồng/đề cương; cấp huyện: 460.000 đồng/đề cương và cấp xã: 320.000 đồng/đề cương.

- **Chi soạn thảo văn bản: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân**

Đối với văn bản mới hoặc thay thế: Cấp tỉnh: 3.200.000 đồng/dự thảo; Cấp huyện: 2.240.000 đồng/dự thảo và cấp xã: 1.570.000 đồng/dự thảo;

Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: Cấp tỉnh: 2.700.000 đồng/dự thảo; Cấp huyện: 1.890.000 đồng/dự thảo và cấp xã: 1.320.000 đồng/dự thảo;

- Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện văn bản:

+ Báo cáo tổng hợp ý kiến

Đối với văn bản mới hoặc thay thế: Cấp tỉnh: 250.000 đồng/báo cáo; Cấp huyện: 180.000 đồng/báo cáo và cấp xã: 120.000 đồng/báo cáo.

Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: Cấp tỉnh: 150.000 đồng/báo cáo; Cấp

huyện: 110.000 đồng/báo cáo và cấp xã: 70.000 đồng/báo cáo.

+ Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.

Đối với văn bản mới hoặc thay thế: Cấp tỉnh: 350.000 đồng/báo cáo; Cấp huyện: 250.000 đồng/báo cáo và cấp xã: 170.000 đồng/báo cáo.

Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: Cấp tỉnh: 250.000 đồng/báo cáo; Cấp huyện: 180.000 đồng/báo cáo và cấp xã: 120.000 đồng/báo cáo.

+ Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, ủy viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo

Đối với dự thảo nghị quyết mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, quyết định mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân: Cấp tỉnh: 350.000 đồng/báo cáo và cấp huyện: 250.000 đồng/báo cáo.

Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân sửa đổi, bổ sung: Cấp tỉnh: 200.000 đồng/báo cáo và cấp huyện: 140.000 đồng/báo cáo.

+ Báo cáo đánh giá tác động của chính sách hoặc báo cáo đánh giá tác động của văn bản: không quá 6.000.000 đồng/báo cáo (áp dụng đối với cấp tỉnh).

+ Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật theo chuyên đề: Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/báo cáo; Cấp huyện: 3.500.000 đồng/báo cáo và cấp xã: 2.450.000 đồng/báo cáo.

Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật đột xuất: Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/báo cáo; Cấp huyện: 2.100.000 đồng/báo cáo và cấp xã: 1.470.000 đồng/báo cáo.

Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tư pháp: 3.400.000 đồng/báo cáo.

Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp; các Sở, ban, ngành tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp: Cấp tỉnh và cấp huyện: 1.700.000 đồng/báo cáo.

Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã; các Phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi Phòng Tư pháp: cấp huyện và cấp xã: 900.000 đồng/báo cáo.

**Chi soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản.**

- Văn bản góp ý

Đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội mới hoặc thay thế: cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản; cấp huyện: 700.000 đồng/văn bản và cấp xã: 490.000 đồng/văn bản.

Đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều: cấp tỉnh: 700.000 đồng/văn bản; cấp huyện: 490.000 đồng/văn bản và cấp xã: 340.000 đồng/văn bản.

Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân: cấp tỉnh: 250.000

đồng/văn bản; cấp huyện: 180.000 đồng/văn bản và cấp xã: 1200.000 đồng/văn bản.

- Báo cáo thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo và cấp huyện: 350.000 đồng/báo cáo.

**Chi chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản:** cấp tỉnh: 200.000 đồng/lần chỉnh lý; cấp huyện: 140.000 đồng/lần chỉnh lý và cấp xã: 100.000 đồng/lần chỉnh lý.

Ngoài ra còn quy định một số nội dung chi như: Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo; Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu; Chi lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập; Đối với các khoản chi khác: các khoản chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong nước, chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; tổ chức các đoàn đi khảo sát ở nước ngoài; tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát, điều tra xã hội học; lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa phục vụ cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật; rà soát, hệ thống hoá văn bản phục vụ trực tiếp công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật; mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện theo quy định tài chính hiện hành của trung ương và của tỉnh.

**Đối với nguồn kinh phí thực hiện:** Ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm

pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được phân bổ trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 292/2012/NQ-HĐND

ngày 8 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Điện Biên./.

Phạm Thanh

## **Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính**

*Ngày 07/8/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 92/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là Nghị định số 92/2017/NĐ-CP).*

Các Điều 1, 3, 4, 5 của Nghị định số 92/2017/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các nội dung liên quan đến điều chuyển nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính, thực hiện theo dõi cơ chế một cửa, một cửa liên thông từ Tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, Sở Tư pháp, Phòng tư pháp sang Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tại các Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, **TƯ PHÁP ĐIỆN BIÊN**

thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Để sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP cho phù hợp với các quy định mới tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP quy định rõ: "kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện ngay từ khi đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và được tiến hành thường xuyên, liên tục trong quá trình tổ chức thực hiện thủ tục hành chính; đồng thời, quy định việc thực hiện đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự

thảo văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp".

Đề gắn kết giữa ban hành và công bố thủ tục hành chính theo quy định mới về thẩm quyền quy định thủ tục hành chính của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP đã sửa đổi thẩm quyền công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cụ thể: "Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công bố:

a) Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó phải xác định rõ tên, căn cứ pháp lý, thời gian, địa điểm thực hiện và phí, lệ phí trong trường hợp được phân cấp hoặc ủy quyền quy định;

b) Thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương".

Bên cạnh đó, Nghị định đã sửa đổi, giao trách nhiệm nhập, kiểm tra, đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính cho Bộ, ngành, địa phương để tăng cường tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương. Cụ thể: "Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành

phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức việc nhập, đăng tải công khai các thủ tục hành chính và văn bản quy định về thủ tục hành chính đã được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính".

Đồng thời, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP cũng đã sửa đổi bổ sung một số điều khoản liên quan của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP như: Quy định việc công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thông qua việc niêm yết hoặc sử dụng các hình thức điện tử phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật trên cơ sở quyết định công bố thủ tục hành chính hoặc kết xuất, kết nối, tích hợp dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; bổ sung thêm một hình thức công khai bắt buộc là việc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở kết nối, tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; bổ sung thêm quy định về công bố thủ tục hành chính đối với trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành.

Điều 2 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính



nhu sau: Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị là hệ thống thông tin điện tử có chức năng hỗ trợ việc tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả xử lý các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của cá nhân, tổ chức; thông điệp dữ liệu được gửi qua thư điện tử của cơ quan tiếp nhận, Cổng Thông tin điện tử các Bộ, ngành, địa phương hoặc Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; yêu cầu đối với phản ánh kiến nghị bằng thông điệp dữ liệu được gửi qua thư điện tử của cơ quan tiếp nhận, Cổng Thông tin điện tử các Bộ, ngành, địa phương hoặc Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị. Những nội dung mới này sẽ là cơ sở để thực hiện áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện, tăng cường khả năng giám sát, trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, tạo môi trường giao tiếp thân thiện, thuận tiện giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị.

Điều 6 của Nghị định số 92/2017/NĐ-CP cũng quy định rõ việc xử lý chuyển tiếp liên quan đến việc thống nhất đầu mối chủ trì triển khai công tác kiểm soát, cải cách thủ tục hành chính, tham mưu thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương, cụ thể như sau:

“1. Trường hợp Nghị định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ, cơ quan ngang

Bộ thực hiện tổ chức lại Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ trên cơ sở chuyển giao Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Tổ chức pháp chế của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong trường hợp cơ cấu tổ chức của Tổ chức pháp chế có phòng này hoặc thành lập Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Bộ, cơ quan ngang Bộ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính, tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính được giao theo quy định tại Nghị định này. Riêng Bộ Công an thực hiện theo quy định tại Luật Công an nhân dân.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện tổ chức lại Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở chuyển giao Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Sở Tư pháp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính, tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính phù hợp với quy định tại Nghị định này”.

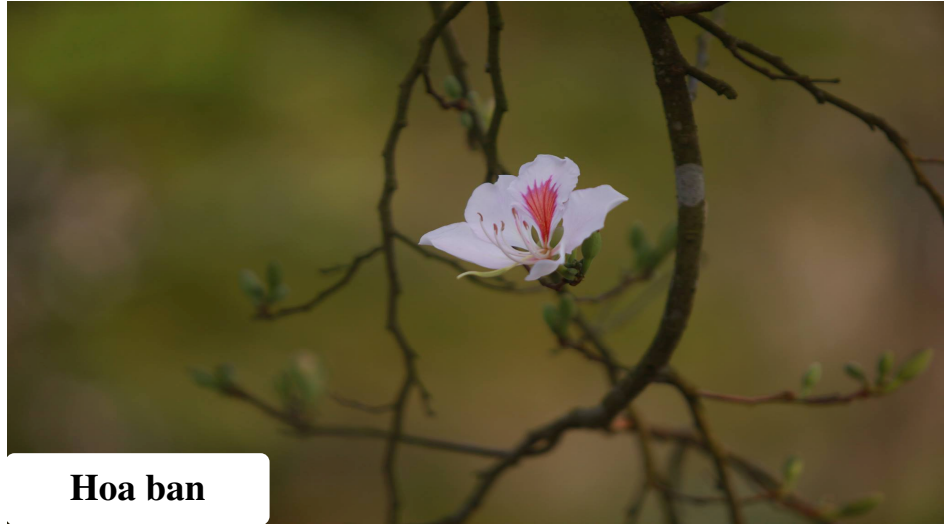
Như vậy, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP là cơ sở pháp lý cho việc triển khai nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thống nhất, hiệu quả từ trung ương đến địa phương.

**Đỗ Thị Khuyên**  
**Phòng Kiểm soát TTHC**

# LOÀI HOA

## GIỮA ĐẠI NGÀN TÂY BẮC

Đến với Điện Biên vào mỗi độ tháng ba, bung xòe giữa đất trời Tây Bắc là một màu trắng tinh khôi, xinh đẹp đến nao lòng. Mảnh đất Điện Biên anh hùng nằm ẩn mình giữa làn sương mỏng mảnh và sắc



**Hoa ban**

trắng của loài hoa ban đã tạo nên một bức tranh mộc mạc, giản dị. Người con sinh ra tại mảnh đất này ai cũng đều thuộc lòng câu chuyện về loài hoa Ban và mối tình nhiều oan trái giữa người con gái Thái xinh đẹp và chàng Khum qua lời kể của những người già trong bản. Loài ban đã gắn liền với đời sống những người dân nơi đây. Như một minh chứng về sức sống mãnh liệt của loài hoa tưởng chừng mong manh, yếu đuối.

Đến với Điện Biên, du khách sẽ được ngắm nhìn vẻ đẹp của loài hoa tượng trưng cho núi rừng nơi cực Tây của Tổ Quốc. Có lẽ vì thế những người mang trên mình sứ mệnh đem lại công bằng, bảo vệ những người yếu thế của mảnh đất lịch sử này cũng vậy. Những người đó đã bền bỉ, miệt mài và không quản ngại gian khó để đưa công lý, lẽ phải được thực thi trong cuộc sống. Họ chính là những Trợ giúp viên pháp lý

thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, với trách nhiệm đem chính sách nhân đạo của Nhà nước đến với bà con nơi vùng xa xôi trên các thôn, bản của tỉnh nhà. Họ như loài ban đang mọc giữa núi rừng, ngày ngày âm thầm, lặng lẽ tỏa sắc hương và tô đẹp cho cuộc đời.

Nhắc đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, ai cũng đều biết đây là nơi cung cấp các dịch vụ pháp lý miễn phí cho người dân, chủ yếu là người nghèo và những người yếu thế trong xã hội. Giúp người dân hiểu biết và sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, giảm thiểu những khiếu kiện trái luật, vượt cấp, những vi phạm pháp luật đáng tiếc xảy ra. Được thành lập từ năm 1999, khởi đầu hoạt động với muôn vàn khó khăn như cơ sở vật chất thiếu thốn, đồng lương của viên chức thấp, giá cả thì tăng theo từng thời kỳ, Trung tâm lại chưa có trụ sở độc lập. Dường như là những rào cản khiến

cho những người làm việc tại Trung tâm gặp không ít khó khăn, thậm chí có những viên chức không chịu được áp lực đã xin chuyển ngành, thôi việc. Với



*TGVPL tham gia bào chữa tại phiên tòa*

hành trình bền bỉ qua 18 năm, giờ đây, Trung tâm đã có những bước phát triển vượt bậc, dần ổn định tổ chức và các hoạt động trợ giúp pháp lý đã đạt được những thành tích vượt trội, đáng ghi nhận, khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng trong các hoạt động Tư pháp tại tỉnh Điện Biên. Với số lượng biên chế ít ỏi, Trung tâm hiện có 04 Trợ giúp viên pháp lý, 11 Chuyên viên, 02 Cán sự, 01 kế toán và 01 lái xe để thực hiện tất cả các hoạt động trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh. Nhưng có lẽ, với tình yêu nghề, yêu công tác trợ giúp pháp lý miễn phí đã khiến tập thể công chức, viên chức và người lao động thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ được giao phó.

Với những thành tích đã đạt được như ngày hôm nay, ngoài sự cố gắng, đoàn kết của viên chức trong Trung tâm. Phải kể đến sự nhiệt huyết, chỉ đạo đúng đắn của Lãnh đạo Trung tâm. Và hơn hết còn phải kể đến sự quan tâm, tạo điều kiện của Sở Tư pháp, sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ chi tiết, tận tình của Cục Trợ giúp pháp lý

**TƯ PHÁP ĐIỆN BIÊN**

– Bộ Tư pháp để tạo dựng một Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước ngày càng phát triển bền vững. Tuy nhiên, để hình thành sự lớn mạnh và phát triển của một đơn vị có thể kể đến công sức đóng góp của nhiều thành viên, bộ phận và các ban ngành, đoàn thể có liên quan. Nhưng linh hồn và cũng là những người xây dựng nền móng vững chắc cho các hoạt động trợ giúp pháp lý phải kể đến công sức của các Trợ giúp viên pháp lý. Họ như những cánh chim đầu đàn định hướng cho việc di chuyển của cả hệ thống đằng sau. Hàng năm, với nhu cầu và thực tế xảy ra trong đời sống hàng ngày, các Trợ giúp viên của Trung tâm đã thực hiện được hàng trăm vụ việc trợ giúp pháp lý trên tất cả các lĩnh vực như: hình sự, dân sự, đất đai, hôn nhân - gia đình, hành chính,... trừ lĩnh vực kinh doanh, thương mại theo tinh thần Luật trợ giúp pháp lý hiện hành.

Năm 2017 là năm có nhiều sự kiện lớn của hoạt động trợ giúp pháp lý như: toàn ngành hướng tới kỷ niệm 20 năm

thành lập tổ chức trợ giúp pháp lý, Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 được Quốc Hội thông qua, hoạt động trợ giúp pháp lý tập trung vào công tác tham gia tố tụng,... Xác định trọng tâm hoạt động, Lãnh đạo Trung tâm đã có những chỉ đạo, định hướng cụ thể các Trợ giúp viên cần tập trung thực hiện hiệu quả các vụ việc tham gia tố tụng. Do đó, trong 08 tháng đầu năm 2017, các Trợ giúp viên pháp lý đã thực hiện được 274 vụ việc, trong đó có hơn 130 vụ tham gia tố tụng. Với tính chất nhiều vụ việc tham gia tố tụng từ giai đoạn điều tra nên cần nhiều thời gian, đến nay, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm đã hoàn thành 100 vụ việc tham gia tố tụng. Trung bình mỗi Trợ giúp viên pháp lý thực hiện ít nhất là 25 vụ việc trở lên. Từ kết quả đạt được, cho thấy 100% Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm đã hoàn thành vụ việc TGPL đạt vượt mức chỉ tiêu tốt theo Công văn số 713/BTP-TGPL ngày 8/03/2017 của Bộ Tư pháp về việc ban hành chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý năm 2017 và Kế hoạch phát động phong trào thi đua lập thành tích của ngành đã đề ra. Hầu hết các vụ việc TGPL này đều đã bảo vệ một phần hoặc toàn bộ lợi ích hợp pháp của người được TGPL, trong đó có nhiều vụ án hình sự, hoạt động bào chữa đã chuyển khung hình phạt xuống khung hình phạt nhẹ hơn; các vụ án dân sự có tính chất phức tạp kéo dài, đời sống người được TGPL bị ảnh hưởng... Các Trợ giúp viên pháp lý tham gia đã đảm bảo được quyền được TGPL miễn phí,

đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL.

Các Trợ giúp viên pháp lý bằng trách nhiệm, sự tận tụy và kinh nghiệm được trau dồi qua những năm công tác của mình, đã thực hiện hiệu quả các vụ việc, đem lại niềm tin của người dân vào công lý, vào pháp luật. Trong các vụ việc được thực hiện tại Trung tâm, cần phải kể đến những vụ việc như: đòi lại quyền sử dụng đất góp cổ phần trong vụ Cà Phê Thái Hòa giúp hàng trăm hộ dân trên địa bàn huyện Mường Ảng lấy lại đất sản xuất để ổn định và duy trì cuộc sống, thực hiện bảo vệ quyền lợi cho các nạn nhân là những bé gái bị xâm hại tình dục, rất cần sự quan tâm, bảo vệ; bào chữa cho những người dân còn thiếu hiểu biết đã chẳng may phá rừng phòng hộ để làm nương, rẫy.... và còn hàng trăm vụ việc khác đã đem lại kết quả cao khi được thực hiện bởi các trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm.

Đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận, xây dựng được hình ảnh, niềm tin trong nhân dân nhưng trong quá trình hoạt động, các Trợ giúp viên pháp lý cũng gặp không ít khó khăn. Với số lượng ít ỏi, toàn tỉnh chỉ có 04 Trợ giúp viên, trong khi đó phải thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý trên địa bàn rộng, hiểm trở, dân trí thấp, nhiều cơ quan, ban ngành chưa thực sự quan tâm đến công tác trợ giúp pháp lý miễn phí. Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế đã kéo theo sự gia tăng về các nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống. Nguồn kinh phí dành cho các

hoạt động trợ giúp pháp lý miễn phí còn hạn hẹp, nguồn Ngân sách không đảm bảo để chi đầy đủ mọi hoạt động đến từng thôn, bản trên toàn tỉnh. Những khó khăn, gian khổ đã là nỗi lo ngại trên bước đường các Trợ giúp viên đi qua. Nhưng với lòng yêu nghề, với niềm tin lẽ phải cần được bảo vệ, những người yếu thế trong xã hội cần được quan tâm, các Trợ giúp viên đã hun đúc trong mình những kinh nghiệm, sự khát khao được cống hiến với nghề để làm hành trang vượt qua mọi khó khăn, vất vả.

Tháo gỡ những vướng mắc chủ yếu đối với các Trợ giúp viên pháp lý, Lãnh đạo Trung tâm, đặc biệt đồng chí Giám đốc đã thường xuyên quan tâm, trao đổi về chuyên môn, nghiệp vụ với các Trợ giúp viên. Tạo điều kiện thuận lợi để các Trợ giúp viên pháp lý thực hiện hiệu quả công việc. Ngoài ra, Lãnh đạo Trung tâm đã có những định hướng đúng đắn, sát thực để chèo lái con tàu Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên đứng vững và ngày càng phát triển. Trung tâm cũng thực hiện tốt việc phối hợp với các cơ quan, ban ngành từ Trung ương đến địa phương để công tác trợ giúp pháp lý được quan tâm, thực thi trong đời sống hàng ngày. Trong năm, Trung tâm đã thực hiện nhiều chuyến công tác về địa bàn thôn, bản để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và những vấn đề then chốt người dân còn vướng mắc trong quá trình sinh sống tại địa phương. Qua đó, Trợ giúp viên pháp lý kịp thời tháo gỡ và hướng dẫn người dân thực hiện đúng đắn theo các quy định của pháp luật.

**TƯ PHÁP ĐIỆN BIÊN**

Nhằm phát triển hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý, Lãnh đạo Trung tâm đã xác định một số mục tiêu chủ chốt đối với các Trợ giúp viên pháp lý nói riêng và toàn thể viên chức, người lao động nói chung như: tích cực chủ động trau dồi kiến thức, kỹ năng trong quá trình công tác trong ngành và nhất là trong nhiệm vụ thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý; thường xuyên có sự trao đổi, học hỏi để nâng cao hiệu quả công việc; luôn thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý miễn phí bằng cái tâm của người làm công tác trợ giúp pháp lý; chủ động tham mưu, đề xuất hướng giải quyết công việc để thực hiện hiệu quả, triệt để, hoàn thành tốt nhất mọi nhiệm vụ được giao. Và trên hết, cần phải thực hiện sự đoàn kết, giúp đỡ cùng phát triển giữa những người thực hiện công tác trợ giúp pháp lý trong Trung tâm.

Với vai trò đem lại công lý, niềm tin và hi vọng cho người dân, nhắc đến những người Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm, ánh lên trong mắt người dân là sự tự hào, sự yêu mến những đóng góp lớn lao của họ. Có thể tin chắc rằng, trong tương lai không xa, xã hội sẽ văn minh, phồn thịnh bởi những niềm tin yêu được vun đắp hàng ngày bằng những cống hiến thầm lặng đến từ các Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, như sắc hoa tượng trưng cho Tây Bắc - loài hoa Ban bền bỉ dâng cho đời hương thơm và vẻ đẹp của núi rừng.

*Bài & Ảnh: Lê An*  
**Trung tâm TGPL nhà nước**

# Một số kinh nghiệm và kỹ năng tham gia góp ý đối với dự thảo văn bản QPPL

Tham gia góp ý đối với dự thảo văn bản nói chung, văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) nói riêng là một trong những nhiệm vụ thường xuyên của cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước. Tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản QPPL cũng là một thủ tục quan trọng và bắt buộc thực hiện trong quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL, góp phần nâng cao chất lượng dự thảo văn bản trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, đồng thời bảo đảm tính công khai, minh bạch của công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay do số lượng dự thảo của các đơn vị gửi lấy ý kiến ngày càng nhiều, thời gian có hạn, một số cán bộ, công chức trẻ còn chưa có nhiều kinh nghiệm cũng như kiến thức trong các lĩnh vực chuyên môn chưa sâu nên chất lượng góp ý dự thảo còn hạn chế. Trong phạm vi bài viết này xin chia sẻ một số kỹ năng cũng như kinh nghiệm của bản thân trong quá trình thực hiện công tác tham gia góp ý đối với các dự thảo văn bản QPPL của địa phương.

**Thứ nhất**, về công tác chuẩn bị: Cần chuẩn bị các văn bản là căn cứ pháp lý ban hành văn bản và các tài liệu khác có liên quan (đối với văn bản địa phương, một số văn bản thường xuyên là Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy

phạm pháp luật, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phí, lệ phí...).

**Thứ hai**, quá trình tham gia, tập trung nghiên cứu tham gia về các vấn đề sau:

## 1. Về thẩm quyền ban hành

Nghiên cứu các quy định tại văn bản là căn cứ pháp lý trực tiếp để ban hành văn bản, trong đó có các điều khoản giao trách nhiệm ban hành văn bản cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp (giả sử xây dựng văn bản về kinh phí xây dựng văn bản thì thẩm quyền ban hành văn bản quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC).

Trường hợp các văn bản QPPL trong lĩnh vực chuyên môn không quy định cụ thể về thẩm quyền ban hành văn bản thì có thể nghiên cứu thêm các quy định tại các luật chung như: Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Ngân sách nhà nước...

Trường hợp văn bản được xây dựng không dựa trên căn cứ pháp lý trực tiếp hoặc không thuộc nhiệm vụ chuyên môn được giao thì đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc không tham mưu ban hành văn bản.

Ngoài ra, nếu việc ban hành văn bản là không cần thiết do nội dung của văn bản đã được quy định đầy đủ tại các văn bản của cấp trên, có thể đề nghị cơ quan soạn thảo không tham mưu ban

hành văn bản mà có thể hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng trực tiếp các Nghị định, Thông tư nhằm đảm bảo thực hiện thống nhất, đồng bộ các quy định pháp luật.

## **2. Về căn cứ pháp lý**

Căn cứ pháp lý ban hành văn bản là văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản hoặc chưa có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản nhưng đã được thông qua hoặc ký ban hành và sẽ có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản.

Không căn cứ vào văn bản cá biệt, văn bản hết hiệu lực hoặc ngưng hiệu lực theo quy định tại Điều 153 của Luật Ban hành văn bản QPPL.

Việc xác định văn bản QPPL thực hiện theo Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (**Điều 3. Xác định văn bản quy phạm pháp luật**

*1. Văn bản quy phạm pháp luật phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về nội dung, thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật.*

*2. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ không phải là văn bản quy phạm pháp luật trong các trường hợp sau:*

*a) Phê duyệt chiến lược, chương trình, đề án, dự án, kế hoạch;*

*b) Giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội cho cơ quan, đơn vị;*

*c) Thành lập trường đại học; thành lập các ban chỉ đạo, hội đồng, ủy ban để thực hiện nhiệm vụ trong một thời gian xác định;*

*d) Khen thưởng, kỷ luật, điều động công tác;*

*đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, tạm đình chỉ công tác cán bộ, công chức;*

*e) Các quyết định khác không có nội dung quy định tại Điều 20 của Luật.*

*3. Nghị quyết do Hội đồng nhân dân và quyết định do Ủy ban nhân dân ban hành không phải là văn bản quy phạm pháp luật trong các trường hợp sau:*

*a) Nghị quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và các chức vụ khác;*

*b) Nghị quyết phê chuẩn kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và bầu các chức vụ khác;*

*c) Nghị quyết giải tán Hội đồng nhân dân;*

*d) Nghị quyết phê chuẩn cơ cấu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc trung ương;*

*đ) Nghị quyết thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân; quyết định thành lập các ban, ban chỉ đạo, hội*

đồng, Ủy ban để thực hiện nhiệm vụ trong một thời gian xác định;

e) Nghị quyết tổng biên chế ở địa phương;

g) Nghị quyết dự toán, quyết toán ngân sách địa phương;

h) Quyết định phê duyệt kế hoạch;

i) Quyết định giao chỉ tiêu cho từng cơ quan, đơn vị;

k) Quyết định về chỉ tiêu biên chế cơ quan, đơn vị; quyết định về khoán biên chế, kinh phí quản lý hành chính cho từng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân;

l) Các nghị quyết, quyết định khác không có nội dung quy định tại các Điều 27, 28, 29 và 30 của Luật).

### **3. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Xem xét phạm vi điều chỉnh của văn bản nghĩa là xác định các lĩnh vực, nội dung mà văn bản cần quy định, các quan hệ xã hội mà văn bản điều chỉnh, đồng thời xem xét sự phù hợp giữa phạm vi điều chỉnh của văn bản với trích yếu văn bản, nội dung văn bản, sự phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật cấp trên và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Về đối tượng áp dụng của văn bản, cần xác định về quy mô của đối tượng (áp dụng đối với mọi đối tượng, một nhóm đối tượng, ...) trong đó chú ý đến đối tượng tác động trực tiếp của văn bản vì đây là đối tượng cần phải lấy ý kiến góp ý cho dự thảo.

Ngoài ra, cần xem xét về quy mô, tính đa dạng, phức tạp của phạm vi điều chỉnh để đánh giá về tính hợp lý, đầy đủ của đối tượng áp dụng của văn bản.

### **4. Về các nội dung cụ thể của văn bản**

Cần rà soát, đối chiếu dự thảo với các quy định của văn bản cấp trên là căn cứ pháp lý trực tiếp ban hành văn bản và với các văn bản khác thuộc hệ thống văn bản QPPL của địa phương có liên quan đã ban hành trước đó để tránh tình trạng chồng chéo, trùng lặp.

Nội dung văn bản phải đảm bảo phù hợp với quy định của văn bản cấp trên đồng thời được cụ thể hóa để phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Ví dụ văn bản cấp trên quy định chính sách hỗ trợ cho đối tượng tại các xã biên giới, hải đảo, thì đối với tỉnh Điện Biên chỉ áp dụng cho đối tượng ở các xã biên giới.

Hoặc dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý lao động là người nước ngoài trên địa bàn tỉnh do Sở Lao động Thương binh và Xã hội tham mưu soạn thảo và dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý người nước ngoài cư trú, hoạt động trên địa bàn tỉnh do Công an tỉnh chủ trì soạn thảo. Trường hợp này, cần đề nghị các cơ quan liên quan có sự phối hợp để đi đến thống nhất chung khi đề xuất, tham mưu xây dựng văn bản QPPL.

### **5. Về thời điểm có hiệu lực của văn bản**



Hiệu lực của văn bản được quy định tại Điều 151 Luật Ban hành văn bản QPPL: “1. Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã.

2. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Công báo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành”. Cần lưu ý văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp không quy định hiệu lực trở về trước (Điều 152 Luật Ban hành văn bản QPPL).

## **6. Về thể thức kỹ thuật trình bày văn bản**

Tham gia về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản bao gồm việc nhận xét, đánh giá về sự phù hợp giữa tên gọi

văn bản với phạm vi điều chỉnh của văn bản, cách sắp xếp, bố cục phần, chương, mục, điều, khoản, điểm của văn bản; đánh giá về kỹ thuật trình bày các tiêu đề và diễn đạt nội dung các quy phạm trong văn bản, việc chuyển tải đầy đủ và toàn diện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về vấn đề cơ bản mà văn bản cần điều chỉnh.

Hiện nay, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản QPPL được thực hiện theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã quy định cụ thể và có mẫu kèm theo).

Đây là những kinh nghiệm bản thân tôi đúc rút trong quá trình thực hiện công tác tham gia góp ý đối với dự thảo văn bản QPPL thời gian qua. Hiện nay chưa có văn bản pháp luật nào quy định cụ thể về nội dung, trình tự, thủ tục tham gia góp ý đối với văn bản pháp luật nói chung và văn bản QPPL nói riêng; chưa có lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng tham gia góp ý đối với văn bản QPPL; trước bối cảnh công tác tham gia góp ý kiến đối với văn bản QPPL là khâu quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật thì đòi hỏi người được giao nhiệm vụ tham gia góp ý cần dành nhiều thời gian để nghiên cứu dự thảo văn bản, so sánh, đối chiếu với những quy định pháp luật có liên quan và phải thực sự tâm huyết với nghề mới có được những ý kiến góp ý xác đáng và có chất lượng./.

**Ngọc Hương**

## Một số khó khăn trong đăng ký hộ tịch đối với người dân vùng dân tộc thiểu số

*Luật hộ tịch có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016, sau hơn 01 năm thi hành, qua thanh tra, kiểm tra công tác hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch các cấp cho thấy đã phát sinh một số khó khăn trong công tác đăng ký hộ tịch đối với công dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số như sau:*

1. Các giấy tờ cần xuất trình khi đăng ký hộ tịch: Theo quy định tại Điều 2 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch thì người yêu cầu đăng ký hộ tịch phải xuất trình giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin nhân thân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân. Trong giai đoạn chuyển tiếp người yêu cầu đăng ký hộ tịch phải xuất trình giấy tờ chứng minh nơi cư trú. Thực tế, thực hiện quy định này ở các khu vực thành phố, thị xã, thị trấn trung tâm của huyện, xã việc người dân xuất trình các loại giấy tờ này khá thuận lợi, nhưng đối với một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao vùng xa, người yêu cầu đăng ký hộ tịch chỉ xuất trình được sổ hộ khẩu, không xuất trình được chứng minh nhân dân. Nguyên nhân của việc không xuất trình được chứng minh nhân dân là do người yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa làm chứng minh nhân dân hoặc đã làm nhưng bị mất. Theo quy định về giải

quyết thủ tục hành chính, nếu thành phần hồ sơ chưa đầy đủ thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính không tiếp nhận và giải quyết hồ sơ. Tuy nhiên, xuất phát từ đặc thù trong vùng dân tộc thiểu số nếu cơ quan đăng ký hộ tịch không đăng ký hộ tịch cho công dân thì người dân sẽ không đến đăng ký nữa; Vì vậy, để thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý hộ tịch trên địa bàn, bảo đảm mọi sự kiện hộ tịch phát sinh đều được đăng ký, công dân có đầy đủ các giấy tờ hộ tịch cần thiết, UBND đã đăng ký hộ tịch cho công dân đối với những trường hợp không xuất trình được chứng minh nhân dân, chỉ xuất trình được sổ hộ khẩu. Việc đăng ký hộ tịch chỉ căn cứ vào sổ hộ khẩu tạo thuận lợi cho công dân được đăng ký hộ tịch và có được giấy tờ hộ tịch ngay nhưng lại gây ra một số khó khăn nhất định cho công dân và cơ quan đăng ký hộ tịch trong trường hợp thông tin hộ tịch của công dân không thống nhất giữa giấy tờ hộ tịch với chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu đặc biệt là đối với việc đăng ký lại khai sinh. Từ đó dẫn đến việc cơ quan đăng ký hộ tịch phải tiếp tục thực hiện thủ tục cải chính hộ tịch cho công dân để đảm bảo thông tin hộ tịch của công dân thống nhất. Quá trình xác minh để thực hiện việc cải chính hộ tịch cho thấy vấn đề bất cập trong công tác quản lý việc cấp sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân là: Sổ hộ khẩu do Công an

cấp xã cấp (đối với các huyện), chứng minh nhân dân do Công an cấp huyện cấp có tra cứu tại tàng thư Công an tỉnh nhưng thông tin do Công an cấp xã và Công an cấp huyện, tình quản lý không thống nhất dẫn đến việc cơ quan đăng ký hộ tịch căn cứ vào sổ hộ khẩu do Công an xã cấp để đăng ký hộ tịch, khi công dân đem giấy khai sinh đi làm lại chứng minh nhân dân thì các thông tin trong giấy khai sinh không thống nhất với tàng thư cấp chứng minh nhân dân và yêu cầu công dân đi cải chính hộ tịch để cấp chứng minh nhân dân. Vì vậy, để đảm bảo thông tin hộ tịch đăng ký chính xác thống nhất cần vận động nhân dân đi đăng ký hộ tịch kịp thời, đối với trường hợp đăng ký lại nếu hồ sơ giấy tờ không thống nhất về nội dung khai sinh thì nội dung khai sinh được xác định theo hồ sơ, giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hợp lệ chính thức đầu tiên. Đối với trường hợp đã có chứng minh nhân dân nhưng bị mất thì yêu cầu công dân làm lại chứng minh nhân dân mới đăng ký hộ tịch. Vì thủ tục làm lại chứng minh nhân dân không cần có giấy khai sinh. Đối với trường hợp chưa có chứng minh nhân dân chỉ có sổ hộ khẩu căn cứ vào sổ hộ khẩu và thực hiện việc xác minh khi đăng ký hộ tịch theo quy định trước khi đăng ký hộ tịch.

2. Quy định về việc nộp Giấy chứng sinh bản chính khi đăng ký khai sinh. Theo quy định tại Điều 2 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch thì người yêu cầu đăng ký khai sinh phải nộp bản chính

giấy chứng sinh hoặc giấy tờ thay thế Giấy chứng sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật hộ tịch. Theo quy định tại Thông tư 14/2016/TT-BYT ngày 12/5/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội thuộc lĩnh vực y tế, tại Điều 20 thì việc cấp giấy chứng sinh thực hiện theo quy định tại Thông tư 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh, Thông tư 34/2015 ngày 27/10/2015/TT-BYT sửa đổi Thông tư 17/2012/TT-BYT. Điều 1, Thông tư số 34/2015/TT-BYT sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh quy định “*Giấy chứng sinh được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản giao cho bố, mẹ hoặc người thân thích của trẻ để làm thủ tục khai sinh và 01 bản lưu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh*”. Thực tế, thời gian qua tại một số cơ sở khám chữa bệnh, việc cấp giấy chứng sinh chưa đúng quy định, Giấy chứng sinh sau khi được người có thẩm quyền ký, đã phô tô ra nhiều bản, sau đó đóng dấu vào các bản photo đó và trả cho bố mẹ người thân thích của trẻ Giấy chứng sinh bản chính và Giấy chứng sinh bản phô tô đóng dấu. Do việc cấp Giấy chứng sinh không đúng quy định nên một số trường hợp thanh toán chế độ thai sản trước đăng ký khai sinh cho trẻ, khi làm thủ tục thanh toán chế độ thai sản đã nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội Giấy chứng sinh bản chính là bản chữ ký sống (thực tế thủ tục thanh toán chế độ thai sản chỉ cần bản sao Giấy khai sinh

của trẻ hoặc bản phô tô chứng thực giấy chứng sinh), khi đăng ký khai sinh, một số trường hợp UBND không đăng ký khai sinh cho trẻ do Giấy chứng sinh do bố, mẹ, người thân thích đem đi đăng ký khai sinh không phải là bản chính (là bản ký sống, đóng dấu, không chấp nhận Giấy chứng sinh là bản phô tô đóng dấu). Do vậy, để thực hiện đúng quy định của pháp luật hộ tịch, quy định về việc cấp giấy chứng sinh, các cơ sở khám chữa bệnh được cấp Giấy chứng sinh cần thực hiện cấp đúng quy định của pháp luật, chỉ cấp 01 bản chính cho bố, mẹ, hoặc người thân thích của trẻ và giải thích rõ mục đích sử dụng Giấy chứng sinh để nhân dân hiểu và thực hiện đúng quy định, góp phần tạo thuận lợi cho cơ quan, người đăng ký hộ tịch trong quá trình đăng ký hộ tịch.

3. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện. Theo quy định tại Quyết định 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương quy định Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả là đầu mối tập trung hướng dẫn thủ tục hành chính, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức để chuyển đến các cơ quan chuyên môn hoặc cấp có thẩm quyền giải quyết và nhận, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức. Quy trình thực hiện cơ chế một cửa theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg: Cá nhân, tổ chức

nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính, nộp trực tuyến ở những nơi có quy định nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, nhận hồ sơ trực tuyến; Công chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ: Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để công dân hoàn thiện hồ sơ. Theo quy định của Luật hộ tịch về giải quyết yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch quy định người yêu cầu thay đổi cải chính hộ tịch phải nộp tờ khai theo mẫu và giấy tờ liên quan làm căn cứ thay đổi cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Song thực tế, có những trường hợp công dân không thể bổ sung được các giấy tờ hợp lệ làm căn cứ cho việc cải chính mà chỉ cơ quan đăng ký hộ tịch mới có thể có được thông qua thủ tục xác minh theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật hộ tịch. Vì vậy, công dân không thể hoàn thiện hồ sơ để thực hiện cải chính hộ tịch theo yêu cầu của công chức tiếp nhận hồ sơ bộ phận một cửa, từ đó không thực hiện được thủ tục hành chính. Do đó, đối với một số thủ tục hành chính cần xem xét tính linh hoạt, trao đổi giữa việc tiếp nhận hồ sơ với các bộ phận chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo tạo thuận lợi cho công dân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông./.

**HCTP**